

Thương Khó & Phục Sinh

12

BIẾN CỐ TẠI GIÊRUSALEM

Ngày nay, các sử gia đồng ý Đức Giêsu bị đóng đinh sau trưa ngày lễ Vượt Qua (7.4.30) tại một nơi ngoài vòng đai Giêrusalem, thời Phongxiô Philatô làm tổng trấn xứ Giuđê, đương thời với vua Hêrôđê Antipas. Trong bảng kê khai bối cảnh khi ông Gioan Tẩy Giả bắt đầu khai giảng ở đoạn Lc 3,12, tác giả nói đến ba nhân vật giữ vai trò quan trọng trong trình thuật Đức Giêsu chịu thương khó: hai thượng tế Khanna và Caipha và quan tổng trấn xứ Giuđê, Phongxiô Philatô.

Từ năm thứ 6 sau công nguyên, xứ Giuđê trở thành một tỉnh trực thuộc đế quốc. Những tỉnh lớn quan trọng được điều hành bình thường bởi một nghị viên cao cấp do hoàng đế đề cử; còn những tỉnh nhỏ và xa xôi, như trường hợp xứ Giuđê, được điều hành bởi một thuộc cấp thấp hơn thường gọi là *"tổng trấn"*. Ông Philatô làm tổng trấn Giuđê từ năm 26. Năm 36 ông dẹp người Samarie nổi dậy một cách nặng tay nên bị triệu hồi về Rôma và đưa đi lưu đày. Vị tổng trấn điều hành tài chánh, giữ trật tự công cộng và công lý. Ngoài ra tỉnh còn được hoàn toàn độc lập trong những vấn đề thường nhật, nên thực quyền nằm trong tay vị thượng tế.

Giới lãnh đạo tôn giáo nơi đền thờ gồm 3 thành phần khoảng 15.000 người: cao cấp là tế với Hội đồng công tọa, sau đến giới tư tế khoảng 7200 người chia ra thành 24 phân

chi. Mỗi phân chia đến phục vụ trong đền thờ 2 năm 1 lần trong vòng 1 tuần lễ. Tất cả tư tế đều có mặt tại đền thờ trong ba cuộc hành hương lớn: Vượt Qua (Pesah); Ngũ Tuần (Shavouot): dâng của lễ đầu mùa gọi nhớ Giao ước tại núi Sinai, và lễ Lều (Soukkôt): lễ bình dân nhất, cử hành vào tháng Tishri (tháng 9) vào dịp mùa gặt, nên rất vui vẻ với nhiều cuộc dâng tiến lễ, ca hát, tay cầm lá kiệu tới Silôê. Mỗi gia đình làm một cái chòi chung quanh thành Giêrusalem gọi lại những ngày rời Ai Cập sống trong sa mạc (Lv 23,43). Ngoài những ngày đó, họ sống ở nhà và kiếm việc làm phụ gia đình. Một số tư tế học cao và trở thành kinh sư, số còn lại sinh sống bằng nghề tiểu công nghệ, buôn bán và cày cấy. Chức vụ tư tế cũng cha truyền con nối. Thành phần thứ ba là các thầy Lê vi khoảng 9600 người cũng được chia ra thành 24 phân chi. Họ không được vào chỗ dành cho tư tế, tham dự phụng vụ lo việc ca hát, giữ cửa và giúp phụng vụ. Vị thượng tế đứng đầu Hội đồng công tọa với 71 thành viên. Thời xưa chức vị thượng tế được cha truyền con nối và làm cho đến mãn đời. Sau thời kỳ lưu đày và vương quốc bị tan rã, thượng tế là thủ lãnh chính trị. Quyền hành tối thượng bị giảm đi rất nhiều khi đất nước dưới quyền hành La Mã. Giờ đây chức vị do Rôma bổ nhiệm nên thượng tế thường mang thái độ phục tùng Rôma. Tuy nhiên họ giữ địa vị quan trọng trong xã hội Do Thái về tôn giáo, dân sự và pháp lý¹³⁹. Người dân coi thượng tế như vị trung gian giữa Thiên Chúa và họ. Mỗi năm một lần, chỉ một mình vị thượng tế mới được vào

¹³⁹ Người dân coi thượng tế như vị trung gian giữa Thiên Chúa và họ. Mỗi năm một lần, chỉ một mình vị thượng tế mới được vào nơi Cực Thánh trong đền thờ làm lễ xá tội cho dân (Yom Kippour). Lễ này hằng năm mừng vào ngày 10 tháng Tishri (tháng chín hoặc tháng mười), và kéo dài 25 giờ đồng hồ (Lv 23,27-32).

noi Cực Thánh trong đền thờ làm lễ xá tội cho dân (Yom Kippour). Luca có đề cập hai lần tới thượng tế Khanna (Lc 3,2 và Cv 4,6), Gioan cũng nói đến trong 18,13.24. Ông giữ chức vị thượng tế từ năm thứ 6 đến năm thứ 15. Sau khi bị truất phế, ông vẫn thuộc thành viên Hội đồng công tộ, vẫn can thiệp vào những công vụ bên cạnh con rể là thượng tế Caipha¹⁴⁰, người có quyền xử án Đức Giêsu. Đó là bối cảnh lịch sử khi Đức Giêsu bị xử án tại Giêrusalem.

121. Đức Giêsu qua đời ngày 7.4.30?

Chính yếu cuộc đời Đức Giêsu đều dựa vào các Tin Mừng. Yếu tố chắc nhất về cuộc đời Đức Giêsu chính là cái chết. Tin Mừng cho biết hai điều chắc chắn đó như sau:

1. Người chết dưới triều Phongxiô Philatô làm tổng trấn xứ Giuđê từ năm 26 đến năm 36.
2. Mc 15,42 và Ga 19,14-31 đều ghi Đức Giêsu chết vào ngày thứ sáu.

Hai điểm đều được các Tin Mừng ghi lại, nhưng cũng có một vài điểm khác biệt cần nêu lên để được rõ chính xác hơn. Dù Máccô và Gioan đều nói về ngày thứ sáu nhưng hai tác giả lại không đồng ý đó là ngày thứ sáu nào?

Theo Mc 14,12 và Lc 22,8.11.15, ngày thứ sáu đó trùng hợp với lễ Vượt qua của người Do Thái, tức là ngày 15 tháng Nisan (tháng 4 lịch hiện tại). Đức Giêsu dùng bữa com Vượt qua vào tối hôm thứ năm và Người chết ngay hôm sau đúng ngày lễ Vượt qua. Người Do Thái tính ngày bắt đầu từ buổi

¹⁴⁰ Quirinius đặt Caipha làm thượng tế. Sau khi Khanna bị truất phế con ông là Eleazar lên kế vị được 2 năm, sau đó Caipha nắm quyền từ năm 18 đến năm 36.

chiều khi ngôi sao đầu tiên bắt đầu xuất hiện trên bầu trời. Lễ Vượt qua kéo dài trong vòng 7 ngày từ 15 đến mùng 21 tháng Nisan. Ngày 14 Nisan sửa soạn lễ: Trong các gia đình, loại bỏ men cũ và bắt đầu tuần lễ bánh không men. Ngoài ra mỗi gia đình phải giết một con chiên hoặc một dê con đực ở đền thờ. Họ lấy máu vật hiến tế và đánh dấu trên cửa nhà với một nhánh cây bài hương đúng theo nghi thức bảo vệ các con trai đầu lòng Do Thái trước cuộc Xuất hành (Xh 12,7 và 13). Sau đó thịt chiên được đem đi nướng đầy đủ với xương. Buổi phụng vụ thường tổ chức trên tầng một ngôi nhà được trang hoàng đẹp cho ngày lễ. Theo các tác giả nhất lãm, niên biểu được biết như sau:

Thứ năm 14 Nisan: sửa soạn lễ Vượt qua. Đức Giêsu dùng bữa với các môn đệ.

Thứ sáu 15 Nisan: Đức Giêsu chịu chết ngay ngày đầu lễ Vượt qua.

Theo Gioan, ngày thứ sáu đó rơi vào ngày 14 tháng Nisan, vào buổi chiều trước lễ Vượt qua. Bởi vậy khi người Do Thái dẫn Đức Giêsu đến toà quan tổng trấn Phongxiô Philatô, họ không vào dinh thự để khỏi *“bị nhiễm uế mà không ăn lễ Vượt qua được”* (Ga 18,28). Theo lễ luật vào nhà một người ngoại sẽ bị ô uế nên họ tránh, nhất là trong những ngày áp các lễ trọng. Vì vậy, theo Gioan Đức Giêsu chết đúng vào lúc người Do Thái giết chiên ở đền thờ.

Niên biểu theo Gioan:

Thứ sáu 14 Nisan: Đức Giêsu chịu chết ngay ngày sửa soạn lễ Vượt qua.

Thứ bảy 15 Nisan: Ngày đầu lễ Vượt qua.

Trước sự khác biệt này tác giả nào chính xác hơn? Các nhà nghiên cứu đưa ra 3 giả thuyết:

1. Đức Giêsu có thể mừng lễ Vượt qua vào thứ ba 4/4 theo một niên lịch không chính thức. Giả thuyết làm cho việc kết án Đức Giêsu được kéo dài hơn là một vụ án vội vã, và được kết thúc trước lễ Vượt qua.
2. Đức Giêsu cho ý nghĩa bữa ăn thứ năm 6/4 như tiệc huynh đệ và chưa phải lễ Vượt qua.
3. Đức Giêsu cử hành lễ Vượt qua trước một ngày.

Cả 3 giả thuyết trên đều mang những điểm yếu và không chắc chắn. Các sử gia không thể nào quyết định tác giả nào hoàn toàn đúng. Nhưng có điểm quan trọng để họ cho Gioan có lý. Theo lẽ luật, không thể nào tử hình một tội nhân trong ngày lễ Vượt qua, vì vậy người La Mã không thể nào phạm một lỗi lầm chính trị quan trọng khi cho lệnh hành quyết Đức Giêsu. Ngoài ra, theo sách "*Talmud Babylone*" viết vào thế kỷ thứ hai cũng nói về cái chết Đức Giêsu theo đúng niên biểu Gioan. Vậy tại sao các tác giả nhất lãm lại viết khác? Khi soạn Tin Mừng, họ để Đức Giêsu dùng bữa tiệc cuối cùng như tiệc Vượt qua. Họ không theo niên biểu chính xác vì họ muốn đưa ra ý nghĩa thần học coi bữa tiệc ly như bữa cơm Vượt qua, bữa cơm của sự Giải Phóng.

Vậy, theo Gioan Đức Giêsu chết thứ sáu 14 Nisan. Các sử gia đi tìm trong lịch sử có thứ sáu nào rơi đúng ngày 14 tháng Nisan không; và họ biết được có tất cả 2 thứ sáu hợp với 14 tháng Nisan là thứ sáu 7 tháng 4 năm 30 và thứ sáu 3 tháng 4 năm 33. Và cũng theo Gioan, Đức Giêsu hoạt động công khai ít nhất 2 năm vì Người đã tham dự tất cả 3 lễ Vượt qua. Nếu Người chết năm 33 là quá trễ, vì thế có thể nói khá

chắc chắn Đức Giêsu chết ngày thứ sáu 7 tháng 4 năm 30, lúc được khoảng 35 tuổi. Nếu lấy theo niên biểu nhất lãm, Đức Giêsu chết ngày 27.4.31.

122. Vấn đề Đức Giêsu chịu thương khó trước lịch sử

1221. Những nguồn sử liệu ngoài Tin Mừng

Đó là những sử liệu đến từ Flavius Josèphe trong bộ “*Do Thái thời cổ đại*” XVIII, 63-64; chứng từ Tacite khoảng năm 100 nói về cuộc hỏa hoạn khổng lồ xảy ra hơn một tuần lễ ở thành Rôma (Sử biên niên XV,44). Tiếp đến, có chứng từ đến từ “*Talmud Babylone*”. Trong Tin Mừng, vụ án Đức Giêsu được diễn ra thật vội vã, nhưng theo kinh Talmud, việc này được sửa soạn tỉ mỉ với phiên tòa cùng các quan án. Đức Giêsu bị giết chết “*trước ngày lễ Vượt Qua*” trùng hợp với Tin Mừng Gioan. Qua chứng từ Talmud rút ra được những điều như sau: Vụ án Đức Giêsu là việc người Do Thái làm, chứng minh tác giả đã không biết những điều ghi trong Tin Mừng. Ông chỉ lấy lại tin tức đến từ các Kitô hữu. Tác giả ghép tội Đức Giêsu làm ma thuật đúng theo truyền thống các phép lạ, như trong Mc 3,22 “*bị quỷ vương ám...*” Ý tưởng Đức Giêsu đưa người Do Thái theo con đường lầm lạc, được gọi hứng từ sách Đnl 13,2-12.

Đức Giêsu bị ném đá, hành quyết theo truyền thống Do Thái. Nhưng cuối cùng Người bị treo trên thập giá. Talmud mang điều tương phản. Tác giả lấy điều lịch sử chấp nhận Đức Giêsu bị đóng đinh, và đặt vào trong một vụ án đến từ người Do Thái. Đức Giêsu bị kết án lường gạt, lẽ ra bị người Do Thái ném đá, nhưng vì Người bị đóng đinh theo truyền

thống La Mã, nên điều được ai ai cũng chấp nhận và tác giả không thể chối bác được.

1222. Tân ước và Tin Mừng

Nguồn sử liệu Kitô giáo như Ngụy thư “*Công vụ Philatô*” hay “*Tin Mừng Phêrô*” quy cho người Do Thái trách nhiệm vụ án Đức Giêsu. Nếu chỉ đọc Tân ước sẽ biết rất ít về vụ án như ghi trong Công vụ các tông đồ và các thư Phaolô. Theo tác giả Công vụ tông đồ và thư Phaolô, chính người Do Thái đóng đinh Đức Giêsu (1Tx 2,15; Cv 2,36; 3,15; 4,10; 5,30; 1Tm 6,13-14).

Bốn cuốn Tin Mừng, sử liệu duy nhất ghi lại nhiều chi tiết về vụ án và sự thương khó Đức Giêsu từ khi Người bị bắt cho đến khi được chôn cất. Câu hỏi đặt ra Tin Mừng có đáng tin không? Đó là vấn đề sử tính Tin Mừng. Muốn trả lời câu hỏi này một cách chín chắn cần phải tránh hai thái cực. Nhóm thứ nhất cho Tin Mừng là huyền thoại mang mục đích hộ giáo và thần học; nhóm thứ hai coi Tin Mừng như thiên phóng sự ghi lại đúng những điều đã xảy ra.

Trình thuật thương khó thuộc một thể văn hoàn toàn khác biệt với phần đầu Tin Mừng. Trong đó những đoạn tiếp nối nhau đôi khi rất giả tạo. Soạn giả liên kết các trình thuật vào với nhau cho phù hợp văn chương. Ngược lại, trình thuật thương khó theo rất sát thứ tự lịch sử: Đức Giêsu bị bắt, bị kết án và sau cùng bị đem đi giết.

Ngoài ra, trình thuật thương khó mang nhiều chi tiết không thể nào các tác giả có thể tự mình bịa đặt ra như đoạn Đức Giêsu bị đánh đòn và bị đóng đinh; những nhân vật rất bình thường, không quan trọng như Simôn Kyrêê vác đỡ thập giá cho Đức Giêsu với hai con trai là Alexandre và

Rufus (Mc 15,21); có thêm nhân vật Giuse thành Arimathia đem xác Đức Giêsu đi chôn cất; các chi tiết khác như tên gọi những nơi: “vườn Cây Dầu” (Mc 14,32); “nền đá” được gọi là “*Gabbatha*” (Ga 19,13); “núi Sọ” gọi là “*Golgotha*” (Ga 19,17; Mc 15,22). Sau hết tấm biển “*Vua dân Do Thái*”, một tước hiệu tạm bợ, không đến từ các cộng đoàn Kitô giáo, nhưng dân thành Giêrusalem đều biết vì nó được treo cho mọi người thấy. Tin Mừng về sự thương khó, cho cảm tưởng chỉ một mình Đức Giêsu bị đóng đinh. Thật ra Người bị đóng đinh chung với những người khác.

Những chi tiết vừa kể chắc chắn được lưu hành trong cộng đoàn Kitô giáo tiên khởi ở Giêrusalem. Đối với họ vụ án Đức Giêsu thật khó quên, vì thế các sử gia cũng không thể nào bỏ qua được. Nói vậy không có nghĩa đọc trình thuật thương khó như một bản tường trình không xem xét lại. Trình thuật thương khó không là thiên phóng sự vì cả 4 trình thuật không hoàn toàn giống nhau. Các tác giả Tin Mừng biên soạn theo mục đích riêng cho nên các ông không làm phóng sự kể lại đúng như sự việc đã xảy ra.

Trước hết một vài Tin Mừng mang những chi tiết không thấy ghi trong các cuốn Tin Mừng khác. Những chi tiết lại quan trọng như việc Đức Giêsu được đưa tới nhà thượng tế Khanna vào lúc ban đêm. Một vài trình thuật nói về việc xảy ra ở đồi Canvê (Ga 18, 12.19-24; 19,25-37): Đức Giêsu bị trói; Đối đáp giữa Đức Giêsu và thượng tế rồi Khanna cho giải Người đến thượng tế Caipha; Đức Giêsu với thân mẫu...

Có những đoạn các Tin Mừng đều nói tới nhưng không hoàn toàn giống nhau. Theo Gioan, các bà “*môn đệ*” đứng dưới chân thập giá (Ga 19,25). Theo Máccô họ đứng xa và

nhìn lại (Mc 15,40). Làm cách nào hòa giải hai thời biểu khác nhau giữa nhất lãm và Gioan. Theo nhất lãm, Đức Giêsu dự bữa tiệc ly với các môn đệ (Mc 14,12) và bị hành quyết đúng vào ngày lễ Vượt Qua. Gioan lại cho Đức Giêsu chết và được chôn cất ngày vọng lễ Vượt Qua (Ga 18,28; 19,31.42). Các sử gia cho Tin Mừng Gioan gần sát với điều thật sự xảy ra hơn; và các dữ kiện đó đến từ các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi tại Palestine.

1223. Trả lời cho một nhu cầu

Trình thuật thương khó trong Tin Mừng giữ một chỗ quan trọng, dấu chỉ một lời mời gọi và một nhu cầu. Ở thế kỷ XXI, thập giá mang một biểu hiệu hay một vật dụng đạo đức. Với người thời xưa, thập giá gợi hình ảnh nhục nhã và ghê rợn. Phaolô trong thư 1Cr 1,23 cho *“là ô nhục không chấp nhận được và dân ngoại cho là điên rồ”*.

Người Do Thái hoàn toàn bác bỏ kỳ vọng của các môn đệ cho Đấng bị đóng đinh trên đồi Golgotha là Đấng Thiên sai và là Con Thiên Chúa. Đó là điều phạm thượng. Phái dân ngoại, nhất là người Hy Lạp lại càng không chấp nhận một đấng đại diện cho thần linh, một vị thần lại mang bản án người nô lệ. Người đó lại cho mình soi sáng thế gian, là điều không tương đối với dân Hy Lạp, và họ nhạy cảm về triết lý hơn một điều lạ lùng đến từ phương Đông.

Tin Mừng viết cho Kitô hữu qua hành động truyền giáo. Vì thế, họ không thể nào thuyết phục được kẻ khác vào đạo mình, nếu như chính họ không phù hợp theo chương trình Thiên Chúa. Các trình thuật thương khó là lời giảng huấn nên họ cần phải học hiểu.

1224. Theo chương trình Thiên Chúa phác họa trong Thánh Kinh

Không một thánh sử nào có ý nghĩ loại bỏ sự nhục nhã và kinh rợn, cho dù đôi lúc các ông ngần ngại nhấn mạnh như việc Đức Giêsu bị đánh đòn. Họ chỉ nói phớt qua và không đi vào chi tiết tỉ mỉ. Dưới ánh sáng phục sinh, các tác giả nhấn mạnh nhân vật chịu đựng đau khổ không phải thứ đồ chơi với định mệnh đui mù. Đức Giêsu biết trước thân phận trần thế. Các lời tiên báo về sự thương khó đều cho biết như vậy (Mc 8,31; 9,31; 10,33). Dầu vậy, Đức Giêsu không bị chịu đựng, nhưng chấp nhận hoàn toàn tùy phục Thiên Chúa. Hơn nữa, khi đọc toàn thể trình thuật thương khó, sẽ thấy mọi cố gắng trình bày các biến cố xảy ra không như một thất bại, nhưng được vâng theo chương trình Thiên Chúa diễn đạt trong Thánh Kinh mà Kitô hữu lãnh nhận từ Ítraen.

1225. Lý chứng Thánh Kinh mang nhiều hình thức

Lời mời gọi dựa vào một đoạn trích dẫn Cựu ước để giải thích một dữ kiện nào đó. Ví dụ việc mua thửa vườn của người thợ gốm (Mt 27,9-10); bắt thăm chia áo (Ga 19,24). Đôi khi sự trích dẫn nằm ngay trong một bài trình thuật. Các tác giả vay mượn lời Thánh Kinh “*Đây là máu giao ước*” (Mc 4,24); hay “*Lạy Chúa, Lạy Chúa, sao Người lại bỏ con*” (Mc 15,34). Dữ kiện được trình bày với một chút thay đổi cho phù hợp lời Thánh Kinh. Theo Mt 27,34 “*Đức Giêsu được uống rượu pha mật đắng*” – Mật đắng do Máthêu

thêm vào (Mc 15,22) cho phù hợp lời Tv 69,22 như lời sấm về Đấng Thiên sai.

1226. Theo ý hướng từng tác giả Tin Mừng

Các cộng đoàn Kitô hữu sơ khai có biết và cho lưu hành những truyền thống về trình thuật thương khó. Khi biên soạn Tin Mừng, các tác giả lấy những tài liệu đó và áp dụng vào cho thánh giả. Họ nhấn mạnh những điểm họ muốn cho người nghe biết và hiểu. Về vấn đề thương khó, Máthêu và Luca hoàn toàn dựa trên tài liệu Máccô. Những điều các ông thêm vào cần phải được sử dụng rất cẩn thận về phương diện sử tính.

Những điều Máthêu thêm vào: *“Vợ ông Philatô và một số khác can thiệp khi Đức Giêsu bị đưa ra tòa án La Mã”* (27,19) – và khi *“Philatô rửa tay trước đám đông”* (27,24) chứng tỏ ông biết rõ truyền thống Do Thái. *“Mô mã bất tung”* (27,52-53) mang ý biểu tượng. Những điều Luca thêm vào: *“Đức Giêsu bị điệu ra trước Hêrôđê Antipas”* (23, 8-12). *“Các bà khóc trên đường lên núi Sọ”* (23,27-31) với nhiều trích dẫn Cựu ước. Luca mang xu hướng giúp thánh hóa và khích lệ cộng đoàn qua đoạn *“người trộm lành”* (23,39-43). Lời kinh cuối của Đức Giêsu (23,46): *“Lạy Cha, con xin phó thác linh hồn con trong tay Cha”* và đám dân sám hối (23,48).

1227. Một vài vấn nạn

Dù các trình thuật thương khó trong Tin Mừng mang cùng một cấu trúc với một số nét rõ rệt, nhưng cũng còn một vài vấn nạn xem chừng các sử gia vẫn chưa thấu hiểu rõ ràng: Những lý do chính để các thủ lãnh Do Thái quyết định ra lệnh bắt Đức Giêsu và trao cho quyền hành La Mã giết rất

ơ hồ. Đức Giêsu bị Philatô kết án về tội chính trị vì tự nhận là vua dân Do Thái như ghi trên tấm biển treo ở đầu thập giá. Phái Do Thái có thật sự mang cùng ý hướng không? Nhưng cũng có thể nêu lý do tại vì Đức Giêsu chủ trương thay lễ luật Môsê. Đọc kỹ Tin Mừng không thấy có đoạn nào chắc chắn về điều này để bắt Người và kết án chết.

Ngoài ra có hai trình thuật cho thấy khá rõ các thủ lãnh Do Thái quyết định đi bắt Đức Giêsu: khi Đức Giêsu vào thành Giêrusalem và được dân chúng tung hô như một ông vua. Các sử gia cho trình thuật có thật nhưng không đồng ý ở điểm *“dân chúng tung hô như một ông vua”*, vì nếu có chính quyền La Mã sẽ can thiệp vì họ không thể để cho dân khôi phục lại nền quân chủ Ítraen. Có chăng cũng chỉ tiếng tung hô một đám dân chúng nhỏ cộng thêm vào đó với các môn đệ.

Biến cố thứ hai đưa đến việc bắt Đức Giêsu là câu chuyện xảy ra tại đền thờ khi Người đuổi các con buôn đang bán súc vật cho việc hiến tế trong đền thờ, và các tay đổi tiền La Mã lấy đồng Do Thái để dâng đền thờ.

Các sử gia giữ cùng một ý như việc Đức Giêsu vào thành. Quân La Mã giữ an ninh trật tự phía ngoài đền thờ, nên không thể cho xảy ra một biến cố thật lớn như thấy trong Tin Mừng. Hành động Đức Giêsu rất giới hạn, và gọi lại việc các ngôn sứ chỉ trích việc phụng tự bề ngoài không có bề sâu. Một việc phụng tự làm cho con buôn trở thành quan trọng vì phải có súc vật và đồng tiền dâng cúng. Ngoài ra còn có các lời Đức Giêsu loan báo việc thiêu hủy đền thờ mà người Do Thái lập lại trong vụ án (Mc 14,58).

Đức Giêsu hành động và nói đều phù hợp với viễn tượng tương lai: Nước Thiên Chúa trên trần gian có cần đến của lễ toàn thiêu bằng súc vật để đền tội thế gian không? Các thủ lãnh Do Thái chắc chắn không hài lòng những việc Đức Giêsu làm, nhưng dân chúng cũng không mấy thiết tha theo Người vì họ rất gắn bó vào đền thờ và những nghi thức. Các môn đệ và những Kitô hữu sơ khai gọi Đức Giêsu là Đấng Kitô (Phaolô vào khoảng năm 50), cho biết việc Đức Giêsu làm có thái độ như Đấng Thiên Sai.

Vấn nạn ở chỗ Đức Giêsu bị người Do Thái bắt vì tự coi và được coi như Đấng Mêsia, tại sao các môn đệ lại không bị truy lùng bắt giết. Khi biến cố vừa xảy ra tất cả các môn đệ đều bỏ trốn và không một ai bị truy lùng. Tới thời hoàng đế Hêrôđê Agrippa trị vì tại Giêrusalem, cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi mới bị bách hại (Cv 12,1-3).

1228. Hệ thống pháp lý ở xứ Giuđê thời Đức Giêsu¹⁴¹

1. Bối cảnh lịch sử

Đức Giêsu Nazareth bị đóng đinh chết trên thập giá là một sự kiện được chấp nhận. Có thể nói biến cố cuộc đời của Người ở giai đoạn này được chấp nhận như chắc chắn nhất. Bốn cuốn Tin Mừng đều nói tới như điều hiển nhiên, nhưng ngoài ra những nguồn tài liệu ngoài Tin Mừng như tài liệu "*Antiquités juives* = *Do Thái thời cổ đại 18,64*" của sử gia Do Thái Flavius Josèphe; tài liệu đến từ ông Tacite

¹⁴¹ Phần này dựa theo cuốn sách của tác giả Geza Vermes, *The Passion: The true story of an event that changed human history*, 2005. Sách được dịch ra tiếng Pháp, Geza Vermes, *Les énigmes de la Passion*, Bayard, Paris, 2007.

trong “*Annales = Sử biên niên 15,44.3*”; và trong kinh “*Talmud Babylone, Sanhédrin 43a*”. Đóng đinh tội nhân đều được chấp nhận trong lịch sử Do Thái cũng như La Mã vào thế kỷ thứ I, vì thế trường hợp Đức Giêsu bị đóng đinh không có gì ngoại lệ. Khi nghiên cứu những trình thuật Tin Mừng về sự Thương Khó, các nhà nghiên cứu cũng tìm hiểu khung cảnh niên đại, bối cảnh văn hóa, tôn giáo và pháp lý.

Các Tin Mừng trình bày sự Thương Khó của Đức Giêsu với ít nhiều khác biệt nhất là ở điểm hoàn cảnh Đức Giêsu bị hành quyết, nhưng tất cả đều nói tới Người bị kết án trước tòa án Do Thái và tòa án La Mã. Xứ Palestine ở thế kỷ thứ I có hai loại cơ chế pháp lý dưới quyền người La Mã cũng như dưới quyền Hêrôđê. Các thẩm phán Do Thái đều có trách nhiệm xử những vụ án tôn giáo theo những quy luật truyền thống đến từ lề luật của ông Môsê. Khi xứ Giuđê dưới quyền pháp lý trực tiếp của người La Mã, những quyết định chính trị lại dưới quyền người đại diện cho hoàng đế, bình thường là một công chức hành chánh người La Mã. Vị này mang tước vị tổng trấn (préfet) từ năm thứ 6 đến năm 41. Năm 41 đến năm 44 người La Mã trao quyền hành xử lý cho vua Hêrôđê Agrippa I, và từ năm 44 đến năm 66 quyền hành lại vào tay một quan thái thú (procurateur).

2. Hệ thống pháp lý trong những tỉnh của đế quốc La Mã

Sử gia Flavius Josèphe cho biết nhiều điều liên quan đến nền pháp lý La Mã. Ông khẳng định vào năm thứ 6, xứ Giuđê đặt dưới quyền trực tiếp với Rôma, và hoàng đế Auguste đã bổ nhiệm ông Coponius làm quan tổng trấn và

đến Giêrusalem với đầy đủ quyền hành dù là kết án tử hình một tội nhân (*Guerre Juive*, 2,117). Hai mươi năm sau, ông Phongxiô Philatô được bổ nhiệm vào chức vụ này, vì thế ông có quyền xét xử Đức Giêsu. Khi một người vi phạm đến hoàng đế và đế quốc, Philatô hoàn toàn có quyền quyết định xử án nặng nề theo luật lệ La Mã. Tội phản loạn bình thường sẽ bị treo trên thập giá. Điều này dành cho những người ngoại quốc (những người không là công dân La Mã), những tên trộm cướp và những nô lệ. Vì thế khi Đức Giêsu bị đưa ra tòa án La Mã, bị lên án mang những hành động cách mạng, Philatô có quyền và phải thi hành bản án là đóng đinh Người¹⁴².

3. Hệ thống pháp lý theo Thánh Kinh

Cách hoạt động hệ thống pháp lý Do Thái khó rõ ràng hơn đối với hệ thống pháp lý La Mã. Hệ thống pháp lý Do Thái dựa trực tiếp trên Thánh Kinh. Thời Thánh Kinh và vào cấp bậc thứ nhất, pháp lý do các kỳ lão quyết định, và việc xử án xảy ra ngoài cửa thành. Chính tại đây bản án được quyết định, gồm cả bản án tử hình và mọi việc được xét xử công cộng (Đnl 21,18-21; 22,13-21; 1V 21,11-13). Đến thời vương quốc Giuđê và trước khi thành Giêrusalem thất thủ vào án (Đnl 16,18). Cơ chế mới được áp dụng với cuộc cải cách do vua Josaphat đề xướng vào năm 850 trước công nguyên. Nhà vua đặt những thẩm phán trong những thành phố chính của vương quốc Giuđa, và có cả một tòa án đặc biệt với những tư tế ở Giêrusalem. Tòa án do một Thượng tế đứng đầu, được coi như tòa thượng thẩm giải quyết những

¹⁴² Hoàn toàn khác với trường hợp thánh Phaolô. Bản án phức tạp hơn, vì thánh nhân cho biết mình thuộc công dân La Mã.

vấn đề vượt quyền hạn các thẩm phán ở các nơi (2Sb 19,4-11). Ưu thế của các tư tế về pháp lý đã được hệ thống hóa trong pháp luật do sách Đệ nhị luật công bố. Ngoài ra văn bản còn nêu lên những trường hợp tế nhị như tấn công, giết người phải được xử án bởi tòa án tối cao của các “tư tế Lêvi” tại Giêrusalem (Đnl 17,8-12).

Theo Thánh Kinh, mọi thủ tục sẽ không được tiến hành một khi những chứng nhân buộc tội đáng tin cậy không chính đáng xác nhận sự phạm tội của người bị kết án. Trong truyền thống, có thấy những chứng nhân bị thử thách chặt chẽ đến từ hai nguồn tài liệu: một đến từ Thánh Kinh và nguồn thứ hai đến từ truyền thống rabbi trong sách Mishna mang tựa đề “Sanhédrin”. Đây là một hiệp ước nói về những tòa án Do Thái và những luật lệ của thủ tục phải theo¹⁴³. Đối với án tử hình đòi hỏi phải có ít nhất hai hoặc ba chứng nhân, và không một người nào có thể bị tuyên án tử hình với một lời chứng duy nhất (Đnl 17,6). Khi người bị kết án ném đá, những chứng nhân buộc tội phải tham dự vào và ném viên đá đầu tiên (Đnl 17,7). Trong Kinh Thánh có kể trường hợp một người bị kết án tử hình vì phạm luật nghỉ ngày Sabát (Xh 31,15), vì người đó đi lượm củi trong sa mạc ngày Sabát. Ông bị dẫn đưa đến cho ông Môsê và Aharon,

¹⁴³ Bộ Mishna cho biết có ba loại tòa án: “tòa án địa phương” xử lý những vấn đề pháp lý dân sự bao gồm 3 vị thẩm phán hoặc ba vị trung gian; thuộc vùng có “tòa án trung gian” gồm có 23 vị thẩm phán lo về hình sự bao gồm cả việc án tử hình; “tòa án Tối cao hay Sanhédrin” gồm có 77 thẩm phán và đặt tại thành Giêrusalem. Họ họp tại một phòng đặc biệt ở Đền thờ mang tên Lishkat ha-gazit (Đá mài). Không những là một tòa án nhưng còn được gọi Hội đồng Công tọa của dân Do Thái. Họ xử những vụ án lớn, nghiêm trọng, có thể tuyên chiến hay di dời biên giới hay Đền thờ, và có trọn quyền diễn giải luật Môsê.

và họ đã xử “toàn thể cộng đồng ném đá người đó ở ngoài trại” (Ds 15,32-36).

Ngoài ra Thánh Kinh còn đưa ra 12 loại tội phạm có thể bị án tử hình: giết người (Xh 21,12; Lv 24,17; Ds 35,16-21); bắt có một người để bán như người nô lệ (Xh 21,16; Đnl 24,7); thờ ngẫu tượng (Xh 22,19; Lv 20,1-5; Đnl 13,2-19; 17,2-7); phạm thượng (lộng ngôn) (Lv 24,15-16); lỗi luật ngày Sabát (Xh 32,14-15; Đnl 15,32-36); phù thủy (Xh 22,17; Lv 20,27); những lỗi nặng đối với cha mẹ (Xh 21,15,17; Lv 20,8; Đnl 21,18-21); mãi dâm, trường hợp một đứa con gái của tư tế (Lv 21,9); ngoại tình (Lv 20,10; Đnl 22,22); loạn luân (Lv 20,11-12.14.17); thực hành đồng tính đàn ông (Lv 20,13); Ái thú (Lv 20,15-16). Đối với hai tội phạm liên quan đến tôn giáo là thờ ngẫu tượng và phạm thượng, hình thức kết án là bị ném đá.

Theo triết gia Do Thái Philon thành Alexandrie (20 trước công nguyên - 50 sau công nguyên), trong tác phẩm “*De specialibus legibus* 4,190-192”, và theo sử gia Flavius Jospèphe trong tác phẩm “*Chống Apion* 2,194” đều cho biết toà án tối cao Do Thái ở Giêrusalem vào thế kỷ thứ I gồm có tư tế, thượng tế, có vị ngôn sứ và hội đồng kỳ lão, nhưng Thượng tế đứng đầu toà án này.

4. Án tử hình

Thánh Kinh cho biết có hai cách thực hành án tử hình. Cách đầu tiên là bị ném đá theo quyết định của tòa án, và cách này được thực hành nhiều nhất. Những thành phần bị kết án ném đá thuộc những người bị coi như ăn nói phạm thượng (Xh 20,7), thờ ngẫu tượng (Đnl 17,2-7), phạm luật Sabát (Đnl 15,32-36), ngoại tình và bắt cóc (Đnl 22,22-24)...

Thánh Kinh cũng có nói đến bị hỏa thiêu, một bản án dành cho những người bị kết án về tội tính dục như việc cùng lấy làm vợ một người đàn bà và mẹ của người đó (Lv 20,14), hoặc mãi dâm nếu như là con gái của một tư tế (Lv 21,9). Sách Mishna (Sanhédrin 7,1) còn nói đến bị chặt đầu, và bị thắt cổ. Cả bốn hình thức thủ tục kết án vừa nêu trên đều còn được áp dụng vào thời Đức Giêsu.

Đối với vấn đề đóng đinh trên thập giá, từ thời tiền lưu đày, thân thể một người bị ném đá sau đó được treo lên thập giá (Đnl 21,22). Làm việc này để gây ấn tượng can ngăn người ta đừng phạm luật. Dưới triều đại Átmônê, ông Alexandre Jannée (103-76 trước công nguyên) đã đóng đinh phạt 800 người Pharisiêu tại vì họ nổi lên chống lại ông và đi theo ủng hộ vua Hy Lạp và Syrie Démétrios III. Câu chuyện này được sử gia Flavius Josèphe kể lại trong cuốn *“Guerre Juive 1,96-98”*; *“Antiquités juives 13,380-391”*.

Sau này giữa thời Hêrôđê Cả và thành Giêrusalem thất thủ cùng với Massada (4 trước công nguyên -74 sau công nguyên), thập giá trở nên một dấu chỉ thấy được, xác thực, và là dấu ấn kinh hoàng của người La Mã tại Palestine. Khi Hêrôđê Cả qua đời, quan thái thú Varus ở Syrie đã bẻ gãy cuộc nổi loạn của người Do Thái và đóng đinh hơn 2000 kháng chiến quân Do Thái trong vùng Giêrusalem. Những giai đoạn khủng khiếp hơn nữa khi quân La Mã vây hãm thành Giêrusalem vào năm 70, mỗi ngày họ đóng đinh khoảng 500 tù nhân Do Thái. Các tài liệu ghi không còn đủ chỗ để cắm cột ở Giêrusalem cũng như không đủ thập giá để đóng đinh tù nhân. Vì thế đóng đinh tội nhân trên thập giá là một việc làm cần thiết đối với chính quyền

La Mã, cho dù họ dư biết hình thức này thật độc ác; và đóng đinh một người vào thập giá là một thực hành riêng biệt của người La Mã.

1229. Diễn tiến biến cố thương khó

12291. Bị bắt:

Đám đông bắt Đức Giêsu tại vườn Cây Dầu do *“các thượng tế, kinh sư và các kỳ mục sai đến”* (Mc 14,43), tức là do Hội đồng công tọa ở Giêrusalem. Tác giả nhấn mạnh nêu trách nhiệm vụ kết án giết chết Đức Giêsu đến từ người Do Thái. Hội đồng công tọa là một nhóm, nhưng thật ra chính vị thượng tế hoặc những cựu thượng tế và thân nhân các gia đình quý tộc thuộc dòng tư tế. Trong Hội đồng, nhóm này mới thật sự có quyền hành, và cho lính đi bắt giam dưới quyền trực tiếp của vị cai quản đền thờ. Ông này là nhân vật số hai sau thượng tế.

Đức Giêsu và nhóm môn đệ lánh đêm ở vườn Cây Dầu. Điều này giải thích tại sao nhóm đi bắt cần đến một người biết rõ những thói quen của Đức Giêsu. Vì thế, Đức Giêsu bị bắt theo chỉ điểm của Giuđa vì ông biết nơi Đức Giêsu và các môn đệ ngủ qua đêm.

Tại xứ Giuđê có một trại lính La Mã trú đóng gồm tất cả sáu tiểu đoàn với khoảng 2400 binh lính. Những người đi bắt Đức Giêsu có thuộc nhóm binh lính này không? Các nhà chú giải Thánh Kinh có nhiều lý do để chắc chắn nói không. Các binh lính La Mã không can thiệp để đi bắt một người, nhưng họ sẵn sàng đi dẹp nổi loạn hay người nào đó bị tố cáo là thủ lãnh kháng chiến chống lại quân La Mã. Nếu như quân La Mã can thiệp, tức khắc tội nhân bị đưa ra trước tòa,

hoặc bị tù...chờ quyền hành tổng trấn cứu xét. Ngược lại, ở đây khi vừa bị bắt xong, Đức Giêsu bị đưa ngay đến dinh thự thượng tế¹⁴⁴.

a. Lý do Đức Giêsu bị bắt: thái độ của Người đối với đền thờ

Những lý do đưa đến việc bắt Đức Giêsu có lẽ nơi thái độ của Người đối với đền thờ. Cả bốn cuốn Tin Mừng với một chút khác biệt đều nói đến việc Đức Giêsu vào thành Giêrusalem và cách Người đã đuổi những con buôn tại đền thờ. Đó là lý do chính, chứ thật ra lý do Đức Giêsu khẳng định tính thiên sai không thể nào tự nó dẫn Người đến cái chết được. Trước thái độ của Người đối với đền thờ làm đụng chạm đến những nghi thức của luật Torah, và đó là dấu chỉ cho thấy căn tính của Ítraen đã bị đe dọa.

Biến cố tại đền thờ như Mc 11,15-17 và các Tin Mừng khác kể lại có liên hệ đến những lời Đức Giêsu giảng dạy. Người lính chỉ huy đền thờ và ông này là nhân vật số hai sau vị thượng tế có quyền ra lệnh bắt Đức Giêsu và ông đã làm theo như Tin Mừng kể lại. Theo các nhà nghiên cứu, biến cố tại đền thờ không lớn lao như các Tin Mừng thuật lại, nhưng các tác giả muốn cho thấy ý nghĩa biểu tượng mà thôi. Nhưng việc Đức Giêsu làm như trên chắc chắn không được các giới chức tại đền thờ chấp nhận, và ngay cả đám dân chúng cũng khó theo Người trong điều đó tại vì họ rất gắn bó với đền thờ và nghi thức phụng vụ tại đó. Bằng chứng là số người lên đền thờ rất đông trong các dịp lễ, trong đó

¹⁴⁴ Theo Tin Mừng Máccô, nhóm binh lính theo lệnh của Hội đồng Công tóa. Vị thượng tế có binh lính canh giữ đền thờ, và chính nhóm này đã được lệnh đi bắt Đức Giêsu.

có cả những người đến từ Palestine và từ các cộng đoàn Do Thái kiều cư.

b. Bối cảnh lịch sử của các vụ án

Vào năm thứ 6, xứ Giuđê trở thành một tỉnh của đế quốc La Mã. Quyền hành được trao cho cho một vị tổng trấn như người La Mã vẫn thường làm cho những tỉnh còn gặp nhiều rắc rối về vấn đề an ninh. Vị tổng trấn thường được lựa chọn trong giới quân nhân chứ không phải trong giới quý tộc ở thượng viện. Ông có dưới quyền 6 tiểu đoàn binh sĩ, nhưng với một con số như vậy, 6 tiểu đoàn được coi như những cánh sát hơn là quân đội. Vị tổng trấn có quyền hạn rộng rãi, và chỉ báo cáo thẳng cho hoàng đế hay vị đặc sứ toàn quyền của vùng ông đang trấn đóng. Vì thế, ông có ra bản án tử hình, còn đối với những vụ án nhẹ thì trao cho quyền hành địa phương giải quyết. Nhân danh hoàng đế, vị tổng trấn bổ nhiệm và bãi nhiệm thượng tế đền thờ Giêrusalem.

Phongxiô Philatô giữ chức vị tổng trấn từ năm 26 đến năm 36. Năm 41, hoàng đế Claude ban cấp cho vùng Giuđê và Samarie cho Hêrôđê Agrippa I. Khi ông này chết xứ Giuđê dưới quyền trực tiếp của Rôma.

Từ năm thứ 6 đến năm 41, vai trò thượng đầu đến từ gia đình ông Khanna. Ông bắt đầu giữ vai thượng tế từ năm thứ 6 đến năm thứ 15, và Caipha từ năm thứ 18 đến năm 37. Vì thế có thể nói dòng họ Khanna, Caipha có mối tương quan tốt đẹp với tổng trấn Philatô.

Hội đồng công tọa đã được nói qua ở phần trên. Thượng tế chủ tọa Hội đồng này bao gồm những gia đình thuộc giới quý tộc tư tế, những cựu quý tộc không thuộc giới tôn giáo, những kinh sư chuyên gia về Luật mà trong đó nhóm

Pharisêu có rất nhiều người có ảnh hưởng. Hội đồng công tóa can thiệp vào mọi lãnh vực Torah đã nêu ra. Nhóm Saduxêô và dòng họ tư tế muốn áp dụng Luật một cách khắt khe.

12292. Vụ án Do Thái trước Hội đồng công tóa (*sanhédrin*):

Đức Giêsu bị quân lính thuộc đền thờ bắt không cần quân đội La Mã tham gia như Gioan ghi (18,3.12). Theo Gioan ngoài đám thuộc hạ thủ lãnh La Mã còn có viên chỉ huy và toán quân La Mã. Những biến cố tiếp theo cho thấy Đức Giêsu bị nắm trong tay quyền hành người Do Thái. Sau khi so sánh giữa nhất lãm và Gioan¹⁴⁵, có thể rút ra được kết luận như sau: Trước hết Đức Giêsu bị dẫn đến nhà vị thượng tế¹⁴⁶ đã về hưu là ông Khanna, bố vợ thượng tế năm đó là Caipha¹⁴⁷. Tại nhà Khanna có mặt một số thành viên

¹⁴⁵ Theo Nhất Lãm, Đức Giêsu bị bắt và đưa đến trước Hội đồng công tóa. Theo Gioan có hai thời khác biệt. Đức Giêsu bị đưa đến nhà ông Khanna trước; sau đó Caipha triệu tập Hội đồng để xét xử Đức Giêsu. Nơi đây, Tin Mừng Gioan đúng với lịch sử hơn, vì việc triệu tập Hội đồng vào lúc ban đêm nhất là trong ngày lễ Vượt Qua là một việc rất khó thực hiện. Đức Giêsu bị đưa về dinh thự riêng của Khanna, để trong lúc đó Caipha có thời gian đi kêu triệu tập Hội đồng.

¹⁴⁶ Từ “thượng tế” thường được dùng để chỉ định vị thượng tế đương nhiệm, những cựu thượng tế cũng như những người được trao trọng trách đặc biệt nào đó (ví dụ người chỉ huy đền thờ, vị quản lý ...), và những thành phần tư tế thuộc hàng quý tộc. Các thượng tế nắm quyền ở đền thờ và họ lấy rất nhiều quyền lợi đến từ đó. Nhóm thượng tế rất thân thiện với Hêrôđê cũng như với quyền hành La Mã.

¹⁴⁷ Gia tộc Khanna nắm quyền hành thượng tế trong suốt khoảng nửa đầu thế kỷ thứ I. Caipha (Caiaphas hay Joseph Caiphe) được quan tổng trấn Giuđê Valerius Gratus bổ nhiệm làm thượng tế, và ông nắm quyền thượng tế trong vòng 19 năm, từ năm 18 đến năm 37 công nguyên; bình thường các chức thượng tế chỉ có 4 năm. Ông Philatô khi lên chức tổng trấn năm 26 đã tiếp tục cho Caipha làm thượng tế cho đến năm ông bị

Hội đồng công tòa và họ cùng quyết định những điều kế tiếp. Tại nhà Khanna, Đức Giêsu bắt đầu bị hành hạ trong khi chờ đợi trời sáng. Việc hành hạ ở đây được coi là man rợ và cũng được biết tới nhiều trong lịch sử. Tin Mừng viết trong đoạn này nhìn theo ánh sáng bài ca của Người Tôi tớ đau khổ theo Is 50,6.

12293. Vụ án La Mã:

Sáng hôm sau, Hội đồng công tòa viết một thư cho ông Philatô và đưa Đức Giêsu qua cho quan tổng trấn giải quyết. Vì vậy, Đức Giêsu bị đưa ra tòa án Philatô, người thực sự có quyền kết án (Ga 18,31).

Ở đây cần nói sơ qua về cách xử án của chính quyền La Mã trong các tỉnh mà họ đang chiếm đóng. Thật ra có ít tài liệu cho biết rõ ràng những vụ xử án nơi những tỉnh dưới quyền hành La Mã được xảy ra như thế nào. Vào năm 62, có vụ án ông Giêsu, con ông Ananias. Theo Flavius Josèphe (Guerre juive 6,300-309) có một nông dân xuất hiện ở Giêrusalem vào dịp lễ Lều năm 62. Ông mang tên Giêsu và bắt đầu đưa ra những sấm ngôn xấu về đền thờ, thành Thánh và cư dân trong đó. Ông bị bắt và đưa ra trước tổng trấn Albinus. Quan ra lệnh đánh roi, nhưng ông vẫn tiếp tục tuyên lời sấm xấu xa. Cuối cùng ông Albinus cho anh này điên và thả tự do. Ông Giêsu bị chết khi thành Giêrusalem bị vây hãm vào năm 70.

Những tài liệu như thư của ông Pline thứ (khâm sai đại thần xứ Bithynie và Pont) viết cho hoàng đế Trajan vào đầu thế kỷ thư II cho thấy cách xử án chỉ là những tuyên án có

truất phế vào năm 36. Đây là dấu chỉ cho thấy Caipha và Philatô rất thân thiện.

hình thức mà thôi. Ví dụ trong vùng của ông, khi có những Kitô hữu bị tố cáo, Plinê hỏi người đó có phải là Kitô hữu. Nếu như người đó xác nhận là đúng và không thay đổi ý định, thì lúc đó ông mới tuyên án tử hình người bị tố cáo. Lý do kết án đơn giản vì người đó vẫn cố tình không thay đổi tức là chống cự lại quyền hành của đế quốc, và điều đó trở nên một tội phải kết án.

Tóm lại, bình thường trước mặt công chúng quan tổng trấn nghe lời tố cáo. Sau đó ông đặt câu hỏi với tội nhân, và tội nhân có quyền tự biện hộ. Nếu như tội nhân không nói tức là nhận tội và như vậy đã đủ để kết án. Một khi đã bị kết án, tội nhân không có quyền kháng án.

Theo các Tin Mừng, Đức Giêsu bị kết án vì tội chính trị. Hội đồng Công tóa đã đưa ra điều đó để tố cáo Đức Giêsu với Philatô. Thật vậy, Philatô không xét xử vào khía cạnh tôn giáo, nên hỏi Đức Giêsu có phải là *“vua dân Do Thái?”*. Có điều khá ngạc nhiên không thấy Philatô phản ứng khi Đức Giêsu nhìn nhận là *“vua dân Do Thái”*, một tội phản bội rất quan trọng, vì tội nhân cũng có thể là thuộc nhóm kháng chiến chống lại đế quốc.

Ở đây vai trò đám đông cũng không có sử tính cho lắm. Theo Máthêu và Máccô đám đông chỉ tham dự vào vụ án. Đoạn nói về Barabas¹⁴⁸ cũng thiếu sử tính vì bất bình thường, và chưa thấy có chứng từ nào nói đến tục lệ vào dịp lễ Vượt Qua một tù nhân được thả. Ngoài ra trong Tin Mừng Gioan, Philatô đi qua đi lại nói chuyện với đám đông cũng không

¹⁴⁸ Barabas bị tố cáo giết một người trong một cuộc nổi dậy. Vì thế có thể coi ông bị xử án phạm tội chống lại quyền hành La Mã. Tin Mừng Gioan 18,40 đã sai lầm khi cho Barabas là một tên cướp.

có sử tính vì trong cuộc trao đổi có quá nhiều biểu tượng và tranh luận đề tài thần học, nên cấu trúc như thể giả tạo.

12294. Nơi Pháp đình:

Vụ án xảy ra trong dinh gọi pháp đình nơi viên tổng trấn cư ngụ mỗi lần lên Giêrusalem, nhất là vào thời điểm các lễ lớn của người Do Thái. Các nhà khảo cổ tranh luận xem hôm nay dinh thự đó nằm ở nơi đâu. Một số cho là pháo đài Antonia nằm ở phía tây bắc đền thờ. Một số khác cho là dinh thự Hêrôđê trên một ngọn đồi hướng tây thành Giêrusalem tức là phía nam hiện tại cửa Joffa. Giải pháp thứ hai hiện thời được các sử gia coi như chắc hơn.

Quan tổng trấn ở thường trực nơi dinh thự cũ của Hêrôđê cả tại Césarée. Dinh thự ở Giêrusalem mang điểm thuận lợi nằm trên cao, rất lý tưởng để canh giữ, dò xét mọi việc xảy ra trong thành phố và tại đền thờ. Hai ông Philon và Josèphe viết những dữ kiện thấy gần giống như vậy. Trong Ga 19,13 nơi quan tổng trấn ngồi xử án tiếng Aram gọi là “*Gabbatha*” (nền đá), chỉ định một cái gì cao. Những chi tiết này đưa dinh thự Hêrôđê sát với thực tế hơn thành lũy Antonia.

Quyết định vụ án: Vụ án trước quan tổng trấn Philatô¹⁴⁹ kết thúc bằng việc kết án tử hình, và cũng không rõ tâm trạng Philatô vào lúc đó: Một đảng, dường như có cảm tình với Đức Giêsu nên ông do dự¹⁵⁰. Với bản án, Philatô trao

¹⁴⁹ Philatô xử án rất nhanh chóng, vì tội nhân không được luật lệ bảo vệ như trường hợp những công dân La Mã. Đó là điều xảy ra cho trường hợp ông Phaolô. Ông là công dân La Mã nên chỉ có tòa án thuộc quyền của triều đình mới có quyền tuyên án.

¹⁵⁰ Nhiều sử gia cho điểm này do một tác giả Kitô giáo viết lên với mục đích lên án người Do Thái muốn giết Đức Giêsu, vì ngay cả người La Mã cũng mang cảm tình đối với Đức Giêsu. Trong lịch sử Philatô rất cứng

Đức Giêsu cho binh sĩ lý hình, và chỉ có họ mới có quyền thi hành theo lệnh của quan tổng trấn¹⁵¹. Họ thuộc một nhóm riêng biệt gồm những thành phần đến từ các tỉnh nhưng không phải là người Do Thái, và có nhiệm vụ đánh đập tội nhân trước khi đưa đi đóng đinh. Đánh đòn bằng roi là việc man rợ vì tội nhân bị đánh trước công chúng. Đức Giêsu bị đánh đòn ngay tại nơi bị xử án. Rồi từ đó lính mới mang đến nơi bị đóng đinh.

Đức Giêsu rất có thể được xử án chung cùng một lúc với một số người khác. Tin Mừng ghi còn có hai người khác bị đóng đinh với Người (Mc 15,27). Nhưng điều gì đưa Philatô đi đến quyết định giết Đức Giêsu? Philatô làm theo ý các thủ lãnh tư tế vì thấy có lợi ích chính trị và giữ được trật tự công cộng. Các thủ lãnh tư tế thấy Philatô thiện chí, và đôi bên thường đồng ý với nhau.

Ngoài ra, còn trình thuật kể Đức Giêsu bị đưa qua gặp Hêrôđê Antipas, tiểu vương vùng Galilê nhưng lại có mặt tại Giêrusalem vào lúc đó. Trình thuật có thể đến từ một ký ức xa xưa được lưu hành trong cộng đoàn tiên khởi. Các sử gia cho Luca thêm vào trong phần thương khó với mục đích biện giáo: Đức Giêsu bị kết án vô tội (23,14-15).

12295. Đóng đinh:

Đức Giêsu bị Philatô kết án đóng đinh. Người Hy Lạp hay Do Thái cũng đóng đinh tội phạm, nhưng việc này thường

rắn. Ông Philon còn đi xa hơn cho Philatô rất bạo động, thích tra tấn và có nhiều vụ hành quyết không được xử án trước. Chung chung Philatô ít nhân nhượng trước người Do Thái.

¹⁵¹ Ở đây, Tin Mừng Luca và Gioan cho biết Philatô trao Đức Giêsu cho người Do Thái không có sử tính, nhưng chỉ là một luận chứng luận chiến thôi.

coi như truyền thống La Mã. Đóng đinh tội nhân là một nhục hình rùng rợn và đưa tội nhân hấp hối nhiều giờ trước khi chết. Chính quyền La Mã dành việc đóng đinh cho những người bị xem là kẻ thù của đế quốc, những người chống lại chính quyền. Vì thế vào năm thứ 4 trước công nguyên, đặc sứ toàn quyền xứ Syrie là ông varus đã đóng đinh 2000 kháng chiến quân Do Thái ở Giudê (Flavius Josephus, Guerre Juive 2,75).

Thập giá bao gồm hai phần: Phần thẳng đứng gọi là “*Stipes*” chỉ cao khoảng chừng 2m được chôn sẵn dưới đất, và phần ngang được gọi là “*patibulum*”, nên khi nhập lại hai phần có thể trở thành một thập giá hoặc thành một chữ T. Tội nhân được đặt vào thanh “*patibulum*” bằng những sợi dây, hoặc bị đóng đinh vào cổ tay, và chân cũng làm như thế vào thanh cây thẳng đứng. Nhiều lúc thân thể tội nhân được đỡ bằng một vật đỡ mỏng, và như thế cái chết lại càng đến chậm hơn. Sử gia Flavius Josephus trong cuốn “*tự thuật*” (Autobiographie, 75, 420tt) kể lại, khi ông được tướng La Mã Titus (sau đó lên hoàng đế) gửi đi thị sát tình hình trong cuộc chiến chống Do Thái, ông đã thấy rất nhiều tù nhân Do Thái bị đóng đinh trên thập giá. Ông nhận ra ba người thân quen, và xin tướng Titus cho phép tháo đinh và đưa họ xuống để chăm sóc. Hai người chết lúc được săn sóc, và một người còn lại sống sót. Chứng từ cho biết bị đóng đinh là một điều khủng khiếp.

12296. Núi Sọ (Golgotha):

Theo Tin Mừng, Đức Giêsu và hai người khác bị đóng đinh ở một nơi mang tên Golgotha, một ngọn đồi có hình dáng cái sọ. Truyền thống cho Golgotha gần dinh thự của

Hêrôđê, nơi mà sau này hoàng đế Constantin cho xây thánh đường “*saint Sépulcre*” (mộ Đức Giêsu). Tin Mừng Gioan nói ở gần đó có một thửa vườn. Từ dinh thự Philatô đi thẳng lên tới Golgotha chỉ khoảng chừng 400 thước. Đường đi không xa, nhưng tội nhân bị đánh đập không còn nhiều sức để vác thanh “*patibulum*”. Có một chi tiết đến từ ký ức cộng đoàn sơ khai ở Giêrusalem: Đức Giêsu yếu quá để mang thanh gỗ ngang, nên lính bắt một ông tên Simon quê ở Kyrênê. Khi Máccô cho biết ông còn có hai người con tên Alexandre và Rufus (15,21), tác giả cố ý cho độc giả biết hai nhân vật này được các Kitô hữu tại Rôma biết tới, vì Tin Mừng Máccô được biên soạn tại Rôma.

Phút cuối cùng: Tại nơi xử tử, họ cho Đức Giêsu uống rượu pha với mộc dục theo truyền thống Do Thái. Một văn bản Talmud nói: *“với những ai bị tử hình, người ta cho một chút mộc dục trong một chén rượu để họ mất ý thức”*. Đức Giêsu bị đóng đinh hoàn toàn trần truồng vào thanh “*patibulum*” trước rồi mới được đưa lên gắn vào thanh gỗ đứng. Một tấm biển ghi lý do bị kết án. Ông Suétone cho biết hoàng đế Caligula chặt tay một người nô lệ phạm tội ăn cắp. Tội nhân phải chạy chung quanh các bàn tiệc của một buổi lễ, và trước đó có tấm biển ghi lý do bị kết án (Cuộc đời 12 vị César, Caligula,32). Suétone cũng cho biết, hoàng đế Domitien khi đó đang chủ tọa trò chơi xiếc, ra lệnh bắt một người cha gia đình đang xem xiếc, vì ông này cho hoàng đế không công bằng. Ông bị ném vào đấu trường cho bày chó ăn thịt với tấm biển: *“tội phạm thượng”* (Cuộc đời 12 vị César, Domitien,10). Vào thế kỷ thứ II, một Kitô hữu ở thành Lyon tên Attale được đưa ra trình diện

trước đám đông tại hí trường trước khi chịu tử đạo, và ông mang tấm biển ghi: “đây là Attale, người Kitô hữu”.

Một tấm biển được gắn trên đầu thập giá, nhưng cũng có thể treo trên cổ tội nhân. Đối với Đức Giêsu, tấm biển ghi “*vua dân Do Thái*”. Gioan cho tấm biển được ghi bằng ba thứ tiếng mang ý nghĩa thần học nhiều hơn là sự thật. Tấm biển mang ý nghĩa vương triều Đức Giêsu cho toàn thế giới (18,37), vì ai đi qua đó cũng có thể đọc và hiểu. Nhưng cũng có học giả cho điều này đúng, vì tiếng Hípri cho người địa phương, tiếng La Tinh và tiếng Hy Lạp là hai ngôn ngữ chính thức được dùng trong đế quốc. Dầu sao, điều đó cho biết một lần nữa, Philatô kết án Đức Giêsu vào tội chính trị, như kẻ chống lại quyền hành chính trị La Mã. Hai tội nhân bị đóng đinh với Đức Giêsu cũng được gọi là những kẻ kháng chiến chống quân La Mã (Mc 15,27).

Sau đó lính cho Đức Giêsu uống dấm gọi là “*posca*”, thứ nước trộn với dấm và trứng, thường được các quân lính và nông dân dùng. Cho tội nhân uống dấm đỡ khát nhưng còn làm cho cái chết chậm lại. Đức Giêsu chết nhanh hơn hai tội nhân kia vì Người không bị đập xương chân. Bình thường các quân lính đập bể hai ống xương chân để tội nhân chết ngay.

12297. Chôn cất:

Đức Giêsu chết khoảng 3giờ chiều. Lúc 6giờ chiều bắt đầu ngày Sabát, và trong ngày đó không thể nào tháo đinh cho tội nhân khỏi thập giá được. Theo lề luật Do Thái không được để thi thể tội nhân trên thập giá qua đêm, và việc chôn cất phải làm trước khi đêm xuống (Đnl 21,22-23), nhưng

theo luật La Mã, một khi kẻ bị đóng đinh chết cứ để trên thập giá¹⁵².

Trường hợp Đức Giêsu, một số nhà quý tộc Do Thái xin phép Philatô hạ xác xuống trước khi ngày Sabát bắt đầu. Philatô đồng ý. Người chôn cất Đức Giêsu có tên Giuse thành Arimathia, còn được biết dưới tên Ramathaim, nằm phía tây bắc Giêrusalem khoảng 30 cây số, quê hương ngôn sứ Samuen (1Sm 1,1). Giuse thuộc thành phần quý tộc Do Thái (Mc 15,43; Lc 23,50), thành viên Hội đồng. Có phải là Hội đồng công tóa?, nhưng ông cũng đang chờ đợi Nước Thiên Chúa. Lòng đạo đức thúc giục ông tuân giữ lề luật (Đnl 21,22-23) chôn cất tội nhân trước khi mặt trời lặn. Luật Mishna ghi rõ những điều phải làm khi chôn cất và cũng có ghi trong Cựu ước (1V 13,22; Gr 22,18-19; 26,23).

Người bị đóng đinh không được chôn cất trong phần mộ gia đình. Đó là trường hợp Đức Giêsu. Theo Máccô, Đức Giêsu không được rửa xác và không được xúc dầu. Xác được quấn vào trong một khăn liệm và đặt vào trong một ngôi mộ nào đó. Ngôi mộ được đục vào đá vôi gần Golgotha, và có tảng đá tròn chặn trước cửa không cho súc vật chạy vào. Mộ Đức Giêsu không có gì đặc biệt, vì hầu như tất cả các ngôi mộ tại Giêrusalem đều giống nhau như vậy. Lễ Vượt qua là một ngày nghỉ thánh, nên chỉ đi đứng tối thiểu theo luật đã ghi, vì thế xác Đức Giêsu được đặt rất gần nơi bị đóng đinh.

¹⁵² Bình thường thi thể tội nhân không được tôn trọng. Eusèbe ghi trong "Lịch sử Giáo hội, 5,1.62", vào năm 117, sau khi tử hình nhiều Kitô hữu, các thi thể các vị tử đạo được phơi bày... để ngoài trời trong vòng 6 ngày. Sau đó được mang đi đốt và tro bị đổ xuống dòng sông Rhône.

Trong cùng thời điểm đó, ông Polycarpe cũng bị tử đạo bằng cách bị đốt cháy. Các Kitô hữu trong thành đã gom xương của ông trong đám tro của giàn thiêu.

13

TÌM THẤY NGÔI MỘ ĐỨC GIÊSU?¹⁵³

Năm 1980, khi làm công đào lấp đất tại khu xóm Talpiyot phía đông nam thành Giêrusalem, những thợ làm việc đã khám phá ra một phòng có chứa đựng hài cốt. Công việc được dừng lại đợi các chuyên gia về thời Cổ đại và Bảo tàng viện của Ítraen đến để thẩm định. Sự vụ được trao cho nhà khảo cổ học Joseph Gath và một người học trò của ông tên Shimon Gibson. Hai người đến và khám phá một ngôi mộ thường thấy trong thời Cổ đại và được gọi là “*mộ dưới đất*” (hypogée).

Trong đó có 10 khúc xương không còn được nguyên vẹn. Những mảnh xương này được đặt vào trong một cái hộp bằng đá. Đây là cách người Do Thái vẫn thường làm khi họ bốc mộ và đặt xương vào trong một rương hòm bằng đá ở vào thế kỷ thứ I trước công nguyên. Cách làm này đã bị ngăn cấm từ năm 70 công nguyên khi người La Mã cấm người Do Thái ở trong thành phố mà họ đã chiếm đóng. Trong rương hòm, các nhà khảo cổ cho rằng có thể chứa đựng tất cả xương của khoảng 35 người. Trên sáu bộ xương đều có ghi những hàng chữ mang tên người quá cố. Trên

¹⁵³ Estelle Villeneuve, Jean Vervier et Jean Radermakers, La découverte du tombeau de Jésus, collection “Que penser de...?” numéro 69, Editions Fidélité 2007.

năm khúc xương có hàng chữ bằng tiếng Aram hoặc tiếng Hípri với những tên như sau:

- “*Yehouda bar Yeshoua*” = Giuđê con ông Giêsu (tiếng Aram) (IAA 80.501).
- “*Matayah*” = Máthêu (tiếng Hípri) (IAA 80.502).
- Bộ xương kế tiếp bị hủy hoại khá nhiều, và phần đầu của hàng chữ rất khó đọc được. Các nhà khảo cổ đề nghị đọc “*Yeshoua*” = *Giêsu* với một dấu chấm hỏi và cho rằng ông này là cha của ông Giuđa. Phần thứ hai của dòng chữ là “*bar Yehosef*” = *con ông Giuse* (IAA 80.503)
- “*Yosah*” hay *Giosuê* (tiếng Hípri) (IAA 80.504)
- “*Maryah*” = *Maria* (tiếp Hípri) (IAA 80.505). Nhà khảo cổ Rahmani nhận định bộ xương này giống như bộ xương Yosah (IAA 80.504), và đề nghị Mariah và Yosah là cha mẹ của Yeshoua và là ông bà nội của Yehouda.

Và khúc xương thứ sáu có hàng chữ bằng tiếng Hy Lạp:

- “*Mariamenu e Mara*” = *Mariamme* còn được gọi là *Mara*. *Mara* tên gọi tắt của *Martha* hay *Marthe* (IAA 80.500)

Cuộc đào xới này xảy ra ngày 28/3/1980 trước ngày Sabát là một ngày lễ nghỉ ở Ítraen. Vì thế các nhà khảo cổ đặt những bộ xương đó vào nhà kho của Cơ quan quyền hành thời Cổ đại Ítraen (viết tắt là IAA). Các bộ xương được đánh dấu dưới số 80.500 đến 80.509, và sau này các bộ xương được đưa về đặt vào kho khảo cổ Beth Shemesh, ngoại ô thành Giêrusalem, nhưng bộ xương với mã số 80.509 không còn tìm thấy và đã bị thất lạc đâu đó.

Dưới áp lực của giới quyền hành tôn giáo Do Thái, các bộ xương phải đưa cho các thầy rabbi và được cải táng lại và

được đem chôn cất trong một nghĩa trang. Vì thế ngày nay khó mà nhận diện được các bộ xương này. Và ngày 14/4/1980 cuộc đào xới tại Talpiot chính thức chấm dứt và người ta tiếp tục công trình xây dựng tại đó.

Năm 1996, báo chí Anh lại mang câu chuyện về ngôi mộ Talpiot ra công bố thêm lần nữa. Ngày 31/3 tờ London Sunday Times chạy tựa đề “ngôi mộ không dám nêu tên” (The Tomb that dare not speak its name), kèm theo một phim tài liệu do cơ quan truyền thông BBC phát hành vào dịp lễ Phục sinh mang tên “thân xác gây nên vấn đề” (The body in question). Thế nhưng mọi chuyện cũng sớm chìm lắng vì các nhà khảo cổ và các sử gia đều đưa ra nhiều mối hoài nghi với các bộ xương ở Talpiot.

Vào năm 2002, lại có thêm câu chuyện một bộ xương được gọi là **hộp xương Giacôbê** cũng gây xôn xao dư luận: “*Thật là kinh ngạc hết sức, một hộp đựng xương bằng đá vôi vừa mới xuất hiện tại Do Thái mà có lẽ nó đã từng tàng trữ xương cốt của thánh Giacôbê, em của Đức Giêsu. Chúng tôi khẳng định điều này nhờ vào hàng chữ đặc biệt được khắc vào bên hông của nó. Hàng chữ rõ nét bằng tiếng Aram: Giacôbê, con của Giuse, (anh) em của Giêsu*”. Đó là những hàng chữ đầu tiên trong bài tường thuật được đăng trong nguyệt san “*Biblical Archeology Review*” số tháng 11&12, 2002, trang 25-33 được viết bởi một nhà khảo cổ và chuyên gia cổ ngữ người Pháp André Lemaire. Bài báo được phổ biến ngày 21 tháng 10, 2002, và các cơ quan truyền thông đại chúng đã đưa những tiêu đề giật gân như: “*Chứng tích về Đức Giêsu được ghi trên đá*”; “*Chứng tích khảo cổ xưa nhất về Đức Giêsu được tìm thấy tại Giêrusalem*”; “*Hộp đá cổ tàng trữ người em của Đức Giêsu*”...

Ông Lemaire cho biết vào khoảng thập niên 1970, một nhà sưu tập Do Thái đã mua tại một tiệm bán đồ cổ ở Giêrusalem một bộ xương có ghi một hàng chữ mà ông không đọc ra. Bộ xương được đặt trong một rương hòm bằng đá. Đó là điều các người Do Thái giàu có thường gom góp các xương cốt của các bậc tổ tiên và đặt vào trong một hòm đá. Tại Palestine, các nhà khảo cổ đã tìm thấy khoảng hơn mười hòm đựng xương như thế thuộc thế kỷ thứ nhất công nguyên.

Mười lăm năm sau, ông mới cho André Lemaire thấy bộ xương đó, và nhà nghiên cứu cổ ngữ đã đọc ra hàng chữ Aram ghi "*Giacôbê, con của Giuse, (anh) em của Giêsu*". André Lemaire cho biết Giacôbê ở đây chính là ông Giacôbê mà Tin Mừng có nói đến, và sử gia Flavius Josèphe ghi ông bị tử hình vào năm 62. Nhiều nhà nghiên cứu cho bộ xương vừa được khám phá là thứ thiệt, nhưng có ít nhất hai nhà nghiên cứu người Mỹ cho hàng chữ ghi trên đó là giả mạo. Người thứ nhất là Rochelle Altman, nhà sử học về các hệ thống chữ viết. Người thứ hai là Kyle Mc Carter, nhà nghiên cứu chữ cổ thuộc đại học John Hopkins University. Theo họ hàng chữ đã được viết bởi hai bàn tay khác nhau: phần đầu "*Giacôbê, con ông Giuse*" được viết bởi một chuyên gia, và phần hai "*(anh) em của Giêsu*" được viết bởi một người không thành thạo tiếng Aram nên đã viết sai lỗi chính tả. Sau nhiều tranh luận và được thí nghiệm, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng bộ xương thuộc đồ cổ thật, nhưng hàng chữ mới được thêm vào sau này¹⁵⁴. Câu chuyện bộ xương Giacôbê hầu như ngày nay bị coi như một sự lừa đảo để làm tiền: "*các nhà chuyên môn*

¹⁵⁴ Nhà sưu tập người Do Thái mua bộ xương này bị nhà cầm quyền buộc tội lừa đảo, vì ông có giữ một vật được coi như đến từ đền thờ

về cổ ngữ thì lại cho rằng đây là một trò gạt gẫm. Họ công nhận hộp xương là thật nhưng hàng chữ viết trên hộp không hoàn toàn nguyên thủy. James Vanderkam, giáo sư Thánh Kinh Do Thái tại trường đại học Notre Dame, Indiana, Mỹ, cho rằng có lẽ có người thời đại này đã khắc những hàng chữ lên trên một hộp xương đã có từ thế kỷ thứ nhất. Eric Myers của trường đại học Duke, Mỹ, khi tận mắt nhìn thấy hộp xương đã nghi ngờ về tính xác thực của hàng chữ “anh em của Giêsu” và cho rằng đã có người thêm vào sau này. Dr. Rochelle Altman, cộng tác viên của Ioudaiois-L và là chuyên viên về cổ ngữ, cũng đã lên tiếng và đã chiết tự kỹ lưỡng những hàng chữ trên hộp xương cũng đi đến cùng một kết luận như Myers.

Thái độ của phần lớn các chuyên viên cổ ngữ và các học giả Thánh Kinh đều là hoài nghi. Hộp xương có nguồn gốc đáng ngờ bởi vì nó được mua từ một con buôn tại chợ trời và lại được giữ kín tại tư gia trong suốt 15 năm trời! Căn cứ theo lời khai của chủ nhân, anh Oded Golan, thì anh mua hộp xương này khi anh chỉ có 16 tuổi - không biết anh lấy tiền ở đâu và thích thú với việc sưu tầm đồ cổ này khi nào? Theo bài báo của Andre Lemaire trên *Biblical Archaeology Review* thì khi ông đến xem xét hộp xương, hài cốt của người quá cố đã không còn trong hộp. Thế mà, theo lời của chủ nhân hộp xương, khi trả lời phỏng vấn của tuần báo *Time*, số ra ngày 04 tháng Mười Một, 2002, thì khi anh mua cổ vật này, một số mảnh xương của người quá cố vẫn còn trong hộp và anh đã lấy ra cho vào một chỗ khác, cùng với những xương vụn mà anh thu lượm được từ các hộp xương khác. Theo cha Jerome Murphy-O'Connor, dòng Đaminh, một nhà khảo cổ Thánh Kinh tại trường Thánh Kinh Giêrusalem, khoảng 60% đồ mua được tại

Giêrusalem và cũng có hàng chữ mà người ta biết được là được ghi thêm vào.

các chợ trời là giả tạo và cho dấu hộp xương là thật, thì những hàng chữ trên hộp cũng chẳng thêm gì vào những gì chúng ta đã biết qua Tân Ước. Fr. Joseph Fitzmyer, dòng Tên, là giáo sư Thánh Kinh tại trường Đại Học Công Giáo Mỹ ở Washington, DC và là một chuyên viên cổ ngữ Thánh Kinh, làm việc trong những ngày đầu tiên khi các chuyên viên khảo cổ đến đào bới các hang động ở Qumrân, Biển Chết, cũng công nhận cách viết chữ anh em trên hộp xương rất lạ lùng nhưng lại phù hợp với một vài cách viết của thế kỷ thứ nhất đã được các chuyên viên khảo cổ đào bới lên. Tuy vậy, cha Fitzmyer vẫn không cho rằng người ta có thể chứng minh được ba tên được khắc trên hộp xương chính là những nhân vật được nói đến trong Thánh Kinh Tân Ước¹⁵⁵.

Dựa vào hai khám phá trên, đến năm 2007 nhà báo Simcha Jacobovici (người Do Thái) và nhà đạo diễn nổi tiếng với phim “Titanic” là James Cameron (người Gia nã đại) lại gây xôn xao dư luận thêm lần nữa. Họ tung ra một cuốn phim mang tên “*đã tìm thấy ngôi mộ của Đức Kitô*”¹⁵⁶, và một cuốn sách¹⁵⁷ cho rằng đó là mộ Đức Giêsu, và người mang tên Maria trên khúc xương đó là mẹ Đức Giêsu. Mariame là bà Maria Mađalêna, vợ ông Giêsu và con của họ mang tên Giuđê lớn khoảng 12 tuổi. Ông Giosuê là anh em Đức Giêsu. Còn ông Máthêu cũng là nhân vật nào đó thuộc gia đình. Và với hai bằng chứng trên, Simcha Jacobovici và James Cameron muốn khẳng định Đức Giêsu không độc thân, nhưng lập gia đình với bà Maria Mađalêna. Họ đã có

¹⁵⁵ Xem Lm Jos. Trần Trung Liêm, O.P. Hộp xương Giacôbê: vật chứng đầu tiên về Chúa Giêsu?

¹⁵⁶ cuốn phim được chiếu ngày 29/5 lúc 23giờ20 trên kênh truyền hình TF1 của Pháp.

¹⁵⁷ Le tombeau de Jésus, Michel Lafon, 2007.

đưa con mang tên Giuđa, và cuối cùng thì Đức Giêsu không sống lại và lên trời như điều Tin Mừng đã loan báo. Luận chứng của hai ông với sự hiện diện của bộ xương đi ngược lại với những gì sách Tin Mừng đưa ra để khẳng định Đức Giêsu sống lại. Ngôi mộ của Đức Giêsu hoàn toàn trống (Ga 20), và giống như những gì thánh Phaolô ghi trong thư thứ 1 gửi giáo đoàn Cr 15,14: *“nếu Đức Giêsu đã không trỗi dậy, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng”*.

Nghĩ sao về những luận chứng do Simcha Jacobovici và James Cameron đưa ra?

♦ Những hàng chữ được viết trên các bộ xương ở Talpiot nom thật vội vã chứ không được khắc vào đá. Khi những hàng chữ này được công bố cũng không có mấy người để ý đến, vì những tên trên đó thường thấy xuất hiện. Thời điểm ở thế kỷ 1 trước công nguyên ¼ người đàn bà mang tên Maria. Tên Giuse thấy được trên 12 bộ xương ở cùng thế kỷ tại thành Giêrusalem. Tên Giêsu thấy có 6 lần bằng tiếng Hípri và 4 lần bằng tiếng Hy Lạp. Tất cả có 2 lần ghi *“Giêsu, con ông Giuse”*. Vì thế, đối với các nhà khảo cổ những tên ghi trên đó không có gì đáng làm ngạc nhiên.

♦ Những chữ bằng tiếng Aram: *“Giacôbê, con của Giuse, (anh) em của Giêsu”* không hoàn toàn rõ rệt cho lắm, vì với kiểu viết như trên cũng có thể dịch ra: *“Giacôbê, con của Giuse là anh em của Giêsu”*; và như thế vấn đề lại càng rắc rối hơn chứ không dễ dàng diễn giải như Simcha Jacobovici và James Cameron. Giacôbê không còn là anh em của Giêsu, nhưng trở thành người cháu. Ông Giuse không còn là cha của Giêsu nhưng lại là anh em.

♦ Simcha Jacobovici và James Cameron cho biết đã thử nghiệm các bộ xương bằng ADN, và ADN đưa kết quả hai bộ xương của Giêsu và Mariamme không giống nhau, nên có thể xác định họ không cùng một gia đình nhưng là vợ chồng. Thật ra, Jacobivici và Cameron không thử nghiệm ADN trên các bộ xương, nhưng hai ông chỉ lấy được cặn bã trên các bộ xương và mang đi thử nghiệm, và họ chỉ thử ADN trên hai bộ xương mà thôi, và kết luận họ không có ADN của cùng một người mẹ. Như vậy còn người cha thì sao, nhưng cả hai ông đều không lên tiếng nói. Nhiều nhà khảo cổ đều nói tại sao không thử hết tất cả ADN của các bộ xương khác, và qua đó có thể biết được họ chết vào khoảng ở tuổi nào. Chỉ có bộ xương mang tên Giuđa hơi nhỏ cho nên Jacobovici cho rằng ông này là một đứa trẻ khoảng 12 tuổi.

♦ Talpiot cách Núi sọ là nơi Đức Giêsu bị treo trên thập giá và chôn cất khoảng 3 km. Jacobovich nói lý do thân xác Đức Giêsu được các môn đệ đưa về chôn cất trong mộ của gia đình. Tin Mừng Mt 28,11-15 nêu rõ chuyện các môn đệ di chuyển thân xác Đức Giêsu đi nơi khác do các thầy tư tế Do Thái bịa ra để giải thích cho chính quyền La Mã việc thân xác Đức Giêsu biến mất.

Ngoài ra, Tin Mừng cho biết gia đình Đức Giêsu thuộc nguồn gốc Nazareth ở Galilê và không có dính líu gì với thành Giêrusalem, vì thế không có lý do gì phải chôn cất những người trong gia đình ở Giêrusalem. Gia đình cũng không thuộc hạng giàu có thì làm sao có tiền để mua một ngôi mộ đất giá ở Giêrusalem. Theo truyền thống, những ai được chôn cất ngoài quê quán gốc phải ghi nguồn gốc

người đó bên cạnh tên của mình. Và trên các bộ xương ở Talpiot không có nơi nào ghi “*Giêsu làng Nazareth*”. Nhà sử học Michèle Jarton còn nói nếu gia đình Đức Giêsu được chôn cất như người Kitô hữu, lại càng không thể ghi tên mình trên đó, vì thời bấy giờ các cộng đoàn tiên khởi đang bị bách hại và người ta không ghi tên mình trên mộ để khỏi bị phát giác.

♦ Simcha Jacobovici và James Cameron giải thích tên “*Mariaménou e Mara*” là bà Maria Mađalêna dựa vào ngụy thư “*Công vụ ông Philippê*”. Đây là một ngụy thư được viết vào thế kỷ thứ IV. Hai tác giả trên đã không biết thể loại văn chương của ngụy thư. “*Công vụ ông Philippê*” là một câu chuyện triết lý được hoàn thành trong môi trường nhóm Ngộ Đạo (Gnostique), chứ đây không phải là một cuốn tiểu sử lịch sử. Nhà chú giải Thánh Kinh François Bovon viết trên *Society of Biblical Literature* như sau: “*Việc tái dựng lại một đám cưới giữa Đức Giêsu và bà Maria Mađalêna, và sự ra đời của một đứa con theo tôi là thuộc thể loại khoa học giả tưởng*”.

Về văn phạm tên “*Mariaménou*” cũng đặt thành vấn đề, vì tên này thuộc giống đực; và từ “*Mara*” kế tiếp cũng mang hình thức giống đực trong ngôn ngữ Aram. Nếu theo giống cái phải viết “*Martha*”, và đôi khi viết “*Mara*” theo giống đực. Vì thế trên khúc xương đó, tên này chỉ định rõ ràng một người đàn ông và một người đàn bà. Thêm nữa, theo hai học giả Stephen Pfann (Đại học Holy Land ở Giêrusalem) và Emile Puech (Trường Thánh Kinh Giêrusalem), cách đọc “*Maraménou e Mara*” không đúng, và phải đọc “*Mariamè kai Mara*”. “*Mariamé*” là tiếng Hy Lạp lấy lại từ Hípri “*Mariam*”

và “Mara”. Vì thế, trong bộ xương đó có hai người tên Martia và Mara (một người đàn ông và một người đàn bà).

Tóm lại có thể nói như Shimon Gibson, nhà khảo cổ khai quật ngôi mộ ở Talpiot: *“Tôi tin chắc đây không phải là ngôi mộ của Đức Giêsu hay là hầm mộ gom lại các phần tử gia đình của ông”*¹⁵⁸.

Đối với Giáo hội, từ xưa nay luôn nhìn nhận ngôi mộ của Đức Giêsu tại thành Giêrusalem cổ. Ký ức Kitô giáo luôn cho Đức Giêsu bị đóng đinh và được chôn cất nơi ngày hôm nay mang tên *“saint Sépulcre”* (Mộ Thánh). Truyền thống xưa nhất nói về chốn này lên tới giáo phụ Eusèbe thành Césarée vào khoảng năm 350 công nguyên. Ông cho biết hoàng đế Hadrien cho xây cất làm chôn vùi một đền thờ kính thần Jupiter. Vào năm 135, hoàng đế Hadrien đưa thành phố trải dài ra về phía bắc và đặt tên *“Aelia Capitolina”*. Đền thờ kính thần Jupiter Capitolin được ông dựng tại Golgotha, tiếng Hípri đồng nghĩa với từ La Tinh *“Capitole”*. Một trăm tám mươi năm sau, hoàng đế Constantin cho san bằng đền thờ đó và xây dựng một lăng mộ cho Đức Giêsu. Lăng mộ mang tên *“anastasis”*, có nghĩa *“sống lại”*, và ngày nay nơi đó được gọi là *“Mộ Thánh”*.

¹⁵⁸ Shimon Gibson, archéologue: *“Il ne s’agit pas de la tombe de Jésus”*, in *Le Monde des religions*, Juillet – Août 2007, trang 11.

14

ĐỨC GIÊSU PHỤC SINH

A. Phục sinh không là sự kiện lịch sử

Khi nói đến vấn đề Đức Giêsu phục sinh, tất cả các sử gia đều nói biến cố phục sinh tự nó không phải là một sự kiện lịch sử. Những điều được coi là lịch sử trong đó là lòng tin của các môn đệ nơi sự phục sinh của Đức Giêsu. Sự sống lại chỉ là huyền thoại, sản phẩm tưởng tượng đến từ những người mang lòng tin vào Đức Giêsu. Biến cố thương khó xảy ra công cộng không ai chối cãi. Trong khi đó Đức Giêsu phục sinh thoát khỏi mọi suy xét lịch sử, vì sự sống lại vượt qua cái tuyệt đối định luật thiên nhiên; vì sự sống lại là vượt qua sự chết, và chỉ có thể cảm nhận được kết quả sự sống lại nơi ngôi mộ trống và trong các trình thuật về những lần hiện ra.

Những cuộc hiện ra để đặt nền tảng cho lòng tin vào sự sống lại không được các Tin Mừng thuật lại như một hiện tượng thấy được bởi mọi người, nhưng chỉ là những thị kiến dành riêng cho các môn đệ. Ngay cả trong những cuộc hiện ra đó, các môn đệ thấy một thân thể phục sinh hay một thân thể vinh quang. Nhóm nghiên cứu “Jesus Seminar” cho những cuộc hiện ra này hoàn toàn thiêng liêng bởi cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi.

Các nhà nghiên cứu thấy các trình thuật trong bốn cuốn Tin Mừng nói về những lần Đức Giêsu hiện ra không

tương hợp lẫn nhau, và cũng không tương hợp với những gì Phaolô nói đến trong các thư. Ngoài ra các nhà nghiên cứu cho sự phục sinh nằm theo đường hướng tư tưởng Hy Lạp. Ông Justin trong tác phẩm "*Apologies*" cũng đã nhìn nhận sự phục sinh của Đức Giêsu không có gì biệt lệ, vì tất cả các anh hùng Hy Lạp đều chết, được sống lại và về trời¹⁵⁹. Họ được như thế vì họ xuống từ dòng dõi thần thánh. Vì thế, theo Justin nếu như Đức Giêsu sống lại thì điều đó chứng minh Người thuộc dòng dõi thần thánh.

Sự sống lại ở giữa đức tin và lịch sử, nhưng hướng về phía đức tin nhiều hơn như đối tượng và nền tảng; còn hướng về lịch sử được coi như mong manh và khó đạt tới được. Vì vậy, một số sách nói về Đức Giêsu và lịch sử đều dừng lại nơi biến cố Thương khó và không nói gì về biến cố Phục sinh¹⁶⁰. Nhưng nếu cho rằng biến cố Phục sinh chỉ là sản phẩm của đức tin cũng quá thật đơn giản. Vì nếu như những tín hữu sơ khai khẳng định Đức Giêsu phục sinh như một biến cố ghi trong lịch sử, điều này có phải cách tuyệt đối không bằng cớ, có phải được ơn soi sáng hay là điều bịp bợm? Vì thế hôm nay khi đi tìm Đức Giêsu lịch sử, nhiều tác giả đều nói đến vấn đề Đức Giêsu Phục sinh. Việc này cần coi như trường hợp thái quá để khớp vào nhau giữa lý lẽ của lịch sử và đức tin, tức là giữa Đức Giêsu lịch sử và Đức Kitô lòng tin.

¹⁵⁹ Ví dụ có câu chuyện kể về nhân vật Appolonius de Tyane. Ông được đưa thăng về trời sau khi vào một ngôi đền. Cửa ngôi đền tự đóng lại giữ ông ở trong đó. Người ta nghe có tiếng hát từ trời vang xuống. Sau đó Appolonius đã hiện ra với các môn đệ của ông.

¹⁶⁰ Như cuốn sách của linh mục Charles Perrot, *Jésus et l'Histoire*, Paris, 1979.

B. Đức tin vào sự phục sinh

Trong phần trên nêu ra một số lớn nhà nghiên cứu bác bỏ cho sự phục sinh không có sử tính. Nơi phần này sẽ đi tìm hiểu những điểm chính các Tin Mừng nói về sự phục sinh của Đức Giêsu: những chứng từ, những công thức và những trình thuật.

Riêng biến cố Phục sinh có thể tóm lược như sau: Sáng ngày lễ Vượt qua, các bà đi ra mộ và họ khám phá ra điều gì đó không bình thường: viên đá đã được đẩy ra và ngôi mộ trống (Lc 24,3; Mt 28,6). Đối với các môn đệ, sau khi được nghe các bà cho tin, họ đã chứng nhận ngôi mộ trống và thấy tận mắt những băng vải được xếp gọn gàng trong ngôi mộ. Bởi đó không có chứng nhân trực tiếp được nhìn tận mắt Đức Giêsu sống lại, nhưng giờ đây cũng không ngăn cản Đấng Sống lại tỏ hiện cho các môn đệ trong lịch sử.

Ngôi mồ đã được mở ra. Bà Maria Mađalêna và các bà khác khi nhận ra ngôi mộ trống, họ nghĩ ngôi mộ đã bị xâm phạm (Ga 20,14). Một vài bà khác khi chứng kiến việc ngôi mộ mở ra thấy các thiên thần (Mc 16,7; Mt 28,2; Lc 24,4) chỉ định nơi xác Đức Giêsu được đặt. Gioan và Phêrô khi vào mộ *“thấy những băng vải để ở đó, và khăn che đầu Đức Giêsu. Khăn này không để lẫn với các băng vải, nhưng cuộn lại, xếp riêng ra một nơi”* (20,7).

Ngôi mộ trống không thân xác Đức Giêsu nhưng đây dấu chỉ việc tẩm liệm. Những chứng nhân về ngôi mộ trống không có lời giải thích, và lúc bấy giờ điều đó chưa cho họ một ý nghĩa gì. Tới khi Đức Giêsu gỡ điều bí nhiệm họ mới thấy có ý nghĩa, và Đức Giêsu giải thích bằng những lần hiện ra.

Đức Giêsu hiện ra là việc không thể tưởng tượng được, nên chính các bà là những chứng nhân đầu tiên cũng không nhận ra Người. Maria Mađalêna cho là ông làm vườn đã lấy xác Đức Giêsu. Bà mang tâm trạng Đức Giêsu chỉ còn là một xác chết. Khi Đức Giêsu gọi đúng tên thường ngày, lúc đó bà mới nhận ra Người đang hiện diện. Đức Giêsu nói đừng đùng tới Người không phải vì Người không có thật, nhưng tránh cho Mađalêna nghĩ rằng Đức Giêsu vẫn giống như trước đây.

Ngay từ việc hiện ra lần đầu, Đấng Sống lại cho biết không còn dưới qui luật thời gian và không gian. Chính là Người, nhưng bây giờ Người hiện ra đó đây và được các môn đệ nhận ra. Vì vậy Đức Giêsu Phục sinh hoàn toàn khác với phép lạ cho Ladarô sống lại. Ladarô sống lại nhưng cần bà con tháo khăn vải tẩm liệm ra; nhưng rồi cuối cùng Ladarô cũng lại phải đi về định mệnh cái chết của kiếp người. Đức Giêsu không cần ai tháo gỡ băng vải vì giờ đây Người hoàn toàn tự do với thế giới loài người. Khi hiện ra, Người lại trầm mình vào thế giới, nhưng không còn bị lệ thuộc vào đó nữa. Những cuộc hiện ra xảy ra nhiều nơi, nhưng Người không còn bị ràng buộc vào thời gian và không gian: Người đi trên biển hồ, vào nhà dù các cửa đã đóng (Ga 20,19-29). Tóm lại như Phaolô viết trong thư gửi Rm 6,9: *“Thật vậy, chúng ta biết rằng, một khi Đức Giêsu đã sống lại từ cõi chết thì không bao giờ Người chết nữa, cái chết chẳng còn quyền chi đối với Người”*.

C. Biến cố Phục Sinh

“Nếu như Đức Kitô không sống lại, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng”.

Thánh Phaolô viết lời xác tín này vào năm 55, trong thư thứ nhất gửi giáo đoàn Cr 15,14. Nếu Đức Kitô không sống lại, chắc không có Kitô hữu và rồi cũng không cần ai làm tông đồ. Và hôm nay một số Kitô hữu còn do dự đặt câu hỏi Đức Giêsu Phục sinh có thật sự quan trọng cho đức tin? Họ nghĩ Tin Mừng đã đầy đủ dù không có biến cố Phục sinh. Nhìn lại lịch sử khai sinh Giáo hội, Tin Mừng được khai sinh từ niềm tin Đức Giêsu Phục sinh. Nếu như Đức Giêsu Kitô không sống lại, hành động và lời Người đã bị chôn vùi, Giáo hội cũng không được khai sinh. Vì thế, biến cố Đức Giêsu sống lại là biến cố sáng lập niềm tin Kitô giáo.

141. Các môn đệ công bố lòng tin hay lời rao giảng tiên khởi

Những ai quen đọc Tân ước đều biết sách Công vụ các tông đồ có nhiều diễn từ. Thánh Phêrô nói tất cả 8 diễn từ, thánh Phaolô có 9 diễn từ, và phần còn lại là 7 diễn từ đến từ các nhân vật khác. Các diễn từ cho thấy sứ điệp căn bản của các Kitô hữu tiên khởi khi họ công bố Tin Mừng. Có một số diễn từ dành cho các môn đệ như bài ông Phaolô nói giữa từ các kỳ mục cộng đoàn Êphêxô (Cv 20,17-35); ngoài ra phần lớn các diễn từ loan báo Tin Mừng đều dành cho người Do Thái và dân ngoại. Chính trong những diễn từ còn thấy lời rao giảng tiên khởi được các nhà chuyên môn gọi là “*Kerygma*”.

1411. Lời rao giảng tiên khởi: Kerygma

Lời rao giảng tiên khởi có thể tìm thấy trong:

♦ 5 diễn từ ông Phêrô nói với người Do Thái: ngày lễ Ngũ Tuần (Cv 2,14-41); sau khi chữa cho một người bị bại

(Cv 3,12-26); trước hội đồng Công tóa (Cv 4,9-12; 5,29-32); tại nhà viên sĩ quan Cônêliô (Cv 10,34-43).

♦ 1 diễn từ ông Phaolô nói trong hội đường thành Antioche ở Pisidie (Cv 13,16-41).

Khi đọc lại những bài diễn từ vừa nêu trên, có thể rút ra được ba điểm chính:

♦ ***Biến cố về Đức Giêsu...*** các cộng đoàn tiên khởi nhắc lại cuộc đời Đức Giêsu: sứ vụ công khai với ông Gioan Tẩy Giả rao giảng loan báo Đức Giêsu Nazareth. Người chịu phép rửa bởi ông Gioan tại sông Giođan, đi giảng dạy và làm các phép lạ. Người bị các thủ lãnh Do Thái lên án, bị hành hình bởi dân ngoại theo chương trình Thiên Chúa, chết vô tội và được chôn cất. *"Thiên Chúa cho Người sống lại và chúng tôi là những chứng nhân"*. Người được lên trời ở bên hữu Thiên Chúa và được trao ban Thánh Thần.

♦ ***Ứng nghiệm Lời Thánh Kinh...*** trước hết qua các tước hiệu được dành cho Đức Giêsu trước biến cố Phục sinh như: *người đầy tớ; Đấng Thánh; người Công chính*. Sau biến cố Phục sinh, là *Đấng cứu độ; Đấng khơi nguồn sự sống*. Ngoài ra còn hai tước hiệu dành cho Đức Giêsu được dùng trước và sau biến cố Phục sinh là *Đức Chúa và Đấng Kitô*. Lời Thánh Kinh loan báo Đức Giêsu hoàn thành những sấm ngôn (Cv 3,24). Người phải chịu khổ hình và sẽ trở lại vào ngày sau hết. Người Do Thái là những người được thừa hưởng đầu tiên, rồi tới dân ngoại (Cv 2,39).

♦ ***Chất vấn...*** con người được cứu rỗi nhờ đức tin chứ không do lễ luật. Sự cứu độ chỉ nhờ vào danh Đức Giêsu, vậy phải sám hối, chịu phép rửa để được ơn tha tội và nhận ân huệ Chúa Thánh Thần (Cv 2,38).

1412. Hai hình ảnh diễn tả biến cố Phục sinh

Các Kitô hữu tiên khởi dùng nhiều hình ảnh diễn đạt màu nhiệm Phục sinh và có thể gom thành hai loại: Đức Giêsu đã sống lại và vẫn là con người mà họ đã biết trước đây nhưng nay hằng sống, và các bạn bè nhận ra Người. Hôm nay Người được tôn vinh và đưa về trời, vì thế không những Người tìm lại cuộc sống trước đó nhưng còn được đưa vào cuộc sống mới là cuộc sống Thiên Chúa.

♦ *Trở lại cuộc sống.* Theo nào trạng Do Thái, kẻ qua đời đi về cõi địa ngục hoặc còn trong giấc ngủ. Sự sống lại là sự tỉnh dậy sau cái chết tìm lại cuộc sống trước đây. Hình ảnh đặt nhân vật vào trong lịch sử có sự tiếp nối, và những ai biết nhân vật đó đều nhận ra.

♦ *Đi vào sự vinh quang.* Thiên Chúa ở trên trời, và người qua đời được đưa vào gần Thiên Chúa, được tôn vinh và được đưa về trời. Hình ảnh này lấy từ cảm hứng hình ảnh *Con Người* ghi trong sách ngôn sứ Đanien 7. *Con Người* được đưa vào đám mây, biểu tượng cho những kẻ sót lại trung thành với Thiên Chúa đến cái chết tử vì đạo. Sống lại không chỉ trở lại như cuộc sống trước đây, nhưng còn được tôn vinh.

142. Các môn đệ cử hành lòng tin

Các Kitô hữu tiên khởi cần cho mọi người biết lòng tin họ có qua những công thức ngắn gọn, và đó là lời rao giảng tiên khởi; nhưng họ cũng cần tụ họp nhau lại để cử hành những điều họ tin. Họ diễn đạt đức tin qua bản tuyên xưng đức tin (thường gọi hôm nay là kinh Tin Kính), và họ hát diễn đạt qua các bài Thánh thi.

1421. 1Cr 15,3b-5: Bản tuyên xưng đức tin

“Đức Kitô đã chết/ vì tội lỗi chúng ta,/ đúng như lời Thánh Kinh, rồi Người đã được mai táng,/ và ngày thứ ba/ đã trỗi dậy,/ đúng như lời Thánh Kinh. Người đã hiện ra với ông Kêpha, rồi với Nhóm Mười Hai”. Đây là bản tuyên xưng đức tin cổ nhất của các Kitô hữu tiên khởi được thánh Phaolô ghi lại. Trong thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô khoảng năm 55, Phaolô nhắc lại những điều đã rao giảng năm 51 khi Người bắt đầu gây dựng nên cộng đoàn. Bản tuyên xưng được thành hình sau biến cố Phục sinh khoảng 20 năm, mang dấu chứng bắt nguồn từ Palestine và được thích nghi cho thế giới Hy Lạp. Tác giả có thể thuộc giới lãnh đạo cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi ở thành Antioche vào khoảng năm 35-40, những Kitô hữu gốc Do Thái theo văn hoá Hy Lạp bị đuổi khỏi thành Giêrusalem. Họ đến sinh sống tại một thành phố lớn thuộc đế quốc La Mã, và mang theo những truyền thống từ Giáo hội Giêrusalem.

Tác giả bản tuyên xưng không chỉ loan báo sự kiện, nhưng còn diễn đạt biến cố và ý nghĩa cho đức tin Kitô giáo. Có ba điểm ngắn ghi trong bản tuyên xưng cần được tìm hiểu: Đức Kitô chết *“đúng như lời Thánh Kinh”*, và Người đã trỗi dậy *“đúng như lời Thánh Kinh; ý nghĩa cụm từ ngày thứ ba, và cụm từ Người đã hiện ra”*.

♦ *Đúng như lời Thánh Kinh* được nhắc lại hai lần trong bản tuyên xưng phản ánh tính cách biện giáo lời các Kitô hữu rao giảng tiên khởi giữa môi trường Do Thái. Họ muốn cho thấy Đấng Thiên sai bị đóng đinh và được sống lại đúng như chương trình Thiên Chúa, và mời gọi hiểu biến cố Phục sinh như chìa khoá lịch sử ơn cứu rỗi.

♦ **Ngày thứ ba:** Cụm từ này bắt nguồn từ trong sách ngôn sứ Hôsê 6,1-2: *“Nào chúng ta hãy trở về cùng Đức Chúa. Người đã xé nát thân chúng ta, nhưng rồi lại chữa lành. Người đã đánh đập chúng ta, nhưng rồi lại băng bó vết thương. Sau hai ngày, Người sẽ hoàn lại cho chúng ta sự sống; ngày thứ ba, sẽ cho chúng ta trỗi dậy, và chúng ta sẽ được sống trước nhan Người”*. Trong đoạn này, dân Ítraen bị lung lay bởi sự rao giảng của ngôn sứ Hôsê ở thế kỷ thứ VIII trước công nguyên, họ tổ chức một nghi thức ăn năn, vì thế hai ngày, ba ngày trong đoạn văn này có nghĩa là một thời gian ít lâu sau.

Vào thời Đức Giêsu, cụm từ *“ngày thứ ba”* mang ý nghĩa thần học như ngày cánh chung của Thiên Chúa; vì vậy khi nói *“ngày thứ ba, Người đã trỗi dậy”*, các môn đệ không có ý cho biết một ngày chính xác nào đó biến cố Phục sinh đã xảy ra, nhưng cách nói Đức Giêsu sống lại là ngày Thiên Chúa chiến thắng trên sự chết.

♦ **Người đã hiện ra:** Khi đọc 1Cr 15,1-9 sẽ thấy cụm từ này được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Nguyên ngữ Hy Lạp có nghĩa *“làm cho thấy”*. Chính Đức Giêsu khởi xướng biểu lộ cho người nào và lúc nào mà Người muốn. Trong Cựu ước động từ *“làm cho thấy”* thường được dùng nói đến những cuộc thần hiện như trong St 12,7; 18,1: *“Đức Chúa hiện ra với ông Ápraham tại cụm sồi Mamrê, khi ông đang ngồi ở cửa lều, vào lúc nóng nực nhất trong ngày”*; Tp 13,21... và nhấn mạnh đến khía cạnh sự vụ được sai đi hơn là khía cạnh được thấy. Thiên Chúa khởi xướng đến gặp gỡ không báo trước. Yếu tố nhìn thấy rất thoáng nhẹ và qua mau nhường chỗ cho sự lắng nghe một lời nói. Trong ý nghĩa đó, Đức Kitô đã làm cho ông Kêpha, Nhóm Mười Hai, ông Giacôbê, các tông đồ, và

cuối cùng cho Phaolô thấy. Đức Kitô hiện ra sau Phục sinh mặc khải, khai mở những bí ẩn lịch sử cứu rỗi. Trong trình thuật trên đường Emmau, lời các môn đệ tuyên xưng đức tin còn ghi: *“Chúa trời dậy thật rồi, và đã hiện ra với ông Simôn”* (Lc 24,34). Từ ngữ nhấn mạnh đến việc Đức Giêsu khởi xướng, nhận ra vinh quang của Đấng Sống lại, và cũng mở cho hiểu những cuộc hiện ra thuộc kinh nghiệm nội tâm.

1422. Philípphê 2,6-11: một thánh thi

Các thánh thi thoát ra từ các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi thường được thấy trong Tin Mừng, trong sách Công vụ các tông đồ, các Thư và sách Khải huyền. Thánh Phaolô ghi lại một thánh thi được nhiều người biết đến trong thư gửi giáo đoàn Philípphê. Một thánh thi xưa cổ đến từ truyền thống các cộng đoàn Kitô hữu gốc Do Thái: *“Đức Giêsu Kitô vốn dĩ là Thiên Chúa mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân sống như người trần thế. Người lại còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên thập giá. Chính vì thế, Thiên Chúa đã siêu tôn Người và tặng ban danh hiệu trổi vượt trên muôn ngàn danh hiệu. Như vậy, khi vừa nghe danh thánh Giêsu, cả trên trời dưới đất và trong nơi âm phủ, muôn vật phải bái quỳ; và để tôn vinh Thiên Chúa Cha, mọi loài phải mở miệng tuyên xưng rằng: Đức Giêsu Kitô là Chúa”*.

Thánh Phaolô kêu gọi cộng đoàn Philípphê thực hành hiệp nhất trong khiêm nhường theo mẫu gương Đức Kitô. Người mời gọi mỗi người hãy coi người khác cao trọng hơn mình, đừng tìm tư lợi cá nhân nhưng cho tha nhân. Hãy luôn luôn dành cho người khác trước thay vì bám vào những lợi

ích cá nhân. Được như thế các phần tử trong cộng đoàn sẽ cùng mang tâm tình như Đức Giêsu Kitô. Họ sẽ được hiệp thông vào tiến trình thiêng liêng của Đức Kitô, như điều Người đã tự hạ mình xuống đến cây thập tự. Đó là mẫu gương sống do Đức Kitô Phục sinh khai tâm cho nhân loại.

Ngoài ra bài thánh thi còn đối chiếu theo nhịp điệu *“hạ mình/siêu tôn”*. Đức Giêsu tự hạ mình để rồi chính Thiên Chúa siêu tôn nhìn nhận Đức Kitô và cho Người danh hiệu trên mọi danh hiệu. Đây là chính danh hiệu Thiên Chúa. Nếu như Đức Giêsu Kitô được tuyên xưng như Đức Chúa, cũng vì Người đã tự hạ mình mặc lấy khuôn mặt người nô lệ, không màng gì đến địa vị cao sang Thiên Chúa. Thập giá thấp kém nhất trong cuộc tự hạ, nhưng đang vươn lên trong thái độ Đức Giêsu *“trở nên giống phàm nhân sống như người trần thế. Người lại còn hạ mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên thập giá”*. Đức Giêsu hoàn toàn mang thân phận loài người cho đến bậc thang xã hội thấp nhất. Người mang khuôn mặt người Tôi Tớ trong bài ca thứ tư ghi trong sách ngôn sứ Is 53 *“đã hiến thân chịu chết”*, vâng lời Thiên Chúa. Sự siêu tôn Đức Giêsu được gắn liền vào việc Người tự hạ mình cho đến thập giá, và cả hai mang mối liên hệ với nhau.

14221. Các môn đệ trình bày đức tin

Ở trên, thấy các môn đệ rao giảng lòng tin qua Kerygma; họ cử hành đức tin trong các cộng đoàn qua bản tuyên xưng và những bài thánh thi. Cốt lõi niềm tin được diễn tả qua công thức Thiên Chúa đã làm trời dậy, đã tôn vinh, làm Đức Chúa Đức Giêsu đã bị đóng đinh. Các Kitô hữu tiên khởi diễn đạt niềm tin qua các trình thuật thuộc thể loại văn chương

kể truyện chứ không ở những công thức ngắn gọn, đáp ứng nhu cầu các cộng đoàn giờ đây đã thành hình. Họ muốn biết nhiều hơn ý nghĩa biến cố đưa đến một kinh nghiệm phụng vụ. Các trình thuật không nói gì khác thêm đối với các công thức tuyên xưng đức tin ngắn gọn, nhưng trình bày một cách khác và giải thích ý nghĩa biến cố dài dòng hơn.

Bốn cuốn Tin Mừng đều có những trình thuật về biến cố Phục sinh, và có thể xếp đặt thành ba nhóm đáp ứng theo nhu cầu cộng đoàn:

- ◆ Những trình thuật diễn đạt việc cử hành niềm tin tại chính những nơi biến cố xảy ra: trình thuật ngôi mộ mở ra được cả bốn cuốn Tin Mừng ghi lại.
- ◆ Những trình thuật viết về kinh nghiệm các tông đồ với Đấng Phục sinh và họ như các chứng nhân: trình thuật hiện ra với nhóm Mười Một theo Tin Mừng nhất lãm.
- ◆ Những trình thuật ghi lại kinh nghiệm trong phụng vụ hay trong lòng cộng đoàn: trình thuật hai môn đệ trên đường Emmau theo Luca, trình thuật về bà Maria Mađalêna theo Gioan.

1423. Trình thuật cử hành

Khi đi hành hương Thánh địa, ai cũng ao ước được cử hành phụng vụ tại chính những nơi xảy ra các biến cố cuộc đời Đức Giêsu; đến viếng mộ thánh, mọi người gọi lại biến cố chết và sống lại, rồi suy tư và cầu nguyện... Các học giả Thánh Kinh, khi dựa vào khoa chú giải văn bản cho rằng các trình thuật về ngôi mộ mở ra cũng được thành hình như điều nhiều người vẫn làm khi đi hành hương. Các Kitô hữu tiên khởi đi hành hương đến ngôi mộ Đức Giêsu, một ngôi

mộ trống và cử hành lòng tin. Từ đó khai sinh ra trình thuật đầu tiên về ngôi mộ trống và các tác giả Tin Mừng lấy lại diễn đạt thần học đáp ứng theo nhu cầu cộng đoàn.

*Ngôi mộ mở (Mc 16,1-8; Mt 28,1-8;
Lc 24,1-12; Ga 20,1-10):*

Vừa hết ngày sabát, bà Maria Mađalêna với bà Maria mẹ ông Giacôbê, và bà Salômê, mua dầu thơm để đi ướp xác Đức Giêsu. Sáng tinh sương ngày thứ nhất trong tuần, lúc mặt trời hé mọc, các bà ra mộ. Các bà bảo nhau: “Ai sẽ lăn tảng đá ra khỏi cửa mộ giùm ta đây?”. Nhưng vừa ngược mắt lên, các bà đã thấy tảng đá lăn ra một bên rồi, mà tảng đá ấy lớn lắm. Vào trong mộ, các bà thấy một người thanh niên ngồi bên phải, mặc áo trắng; các bà hoảng sợ. Nhưng người thanh niên liền nói: “Đừng hoảng sợ! Các bà tìm Đức Giêsu Nazareth, Đấng bị đóng đinh chứ gì! Người đã trỗi dậy rồi, không còn đây nữa. Chỗ đã đặt Người đây này! Xin các bà về nói với môn đệ Người và ông Phêrô rằng Người sẽ đến Galilê trước các ông. Ở đó, các ông sẽ được thấy Người như Người đã nói với các ông”. Vừa ra khỏi mộ, các bà liền chạy trốn, run lẩy bẩy, hết hồn hết vía. Các bà chẳng nói gì với ai, vì sợ hãi.

Theo truyền thống, Tin Mừng Máccô được biên soạn khoảng năm 70 tại Rôma chỉ một thời gian ngắn sau khi thánh Phêrô và thánh Phaolô chịu tử đạo. Và cũng theo truyền thống, tác giả Máccô lấy lại các bài giáo lý do thánh Phêrô giảng dạy để hoàn thành tác phẩm. Hôm nay các học giả cũng thấy Máccô chịu ảnh hưởng thánh Phaolô khi biên soạn trình thuật về thần học thập giá.

Trình thuật Phục sinh trong Tin Mừng Máccô chỉ kể lại việc các bà đi ra mộ, và cũng chỉ thoáng qua về những lần Đức Giêsu hiện ra tại Galilê nhưng tác giả không kể chuyện. Và Tin Mừng Máccô chấm dứt một cách hụt hẫng ở 16,8 với điều các bà sợ hãi. Đoạn Mc 16,9-20 được một soạn giả ở thế kỷ thứ II thêm vào sau này. Tác giả thêm vào để giải thích cái ấn tượng kỳ lạ về trình thuật dở dang bỏ lửng kia. Soạn giả lấy lại những dữ kiện đến từ Tin Mừng Luca và Tin Mừng Gioan về chủ đề các môn đệ kém lòng tin qua các chứng nhân đầu tiên như Maria Mađalêna và hai môn đệ trên đường Emmau. Cuối cùng chính Đức Giêsu phải hiện ra với nhóm Mười một, truyền cho họ đi rao giảng Tin Mừng, rồi về trời. Ở đây sẽ tìm hiểu đoạn 16,1-8 thôi.

Máccô nối kết đoạn 16,1-8 vào với đoạn các bà đứng xa nhìn Đức Giêsu bị đóng đinh và nơi Người được chôn cất (15,40-41.47; 16,1). Các bà ra mộ để ướp xác Đức Giêsu với dầu thơm. Tại sao lại đi ướp một xác chết với mình đầy thương tích và đã qua gần ba ngày? Chính vì vậy, có thể điểm này dụng ý cho biết Đức Giêsu được chôn cất một cách vội vã. Điểm này còn diễn đạt ý tưởng chính ở điều các bà đi ướp xác một người chết mà sự phục sinh được mặc khải. Các bà không bao giờ nghĩ tới điều đó.

Trình thuật đưa đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Dù đã sửa soạn mọi sự từ hôm trước, nhưng nay trên đường đi các bà mới nhớ Ai sẽ lăn tảng đá nơi cửa mộ?. Họ dường như mới khám phá ra tảng đá thật lớn, và phải có một sức mạnh đặc biệt mới xê dịch nổi. May mắn cho họ tảng đá đã được lăn đi. Tất cả chi tiết vừa kể dụng ý chỉ hành

động Thiên Chúa sẽ được mặc khải và làm cho con người lúng túng, ngỡ ngàng.

Một ngạc nhiên khác xảy ra cho các bà khi vừa vào trong mộ vì ngôi mộ không trống. Họ thấy một thanh niên mặc áo trắng và các bà hoảng sợ. Đó là một thiên thần. Trình thuật tiếp tục như thường thấy xảy ra trong các trình thuật thần hiện trong Thánh Kinh. Thiên thần không được mô tả, nhưng thiên thần xuất hiện và đưa sứ điệp không tưởng “Các bà tìm Đức Giêsu Nazareth, Đấng bị đóng đinh chứ gì! Người đã trỗi dậy rồi”, và chỉ sau khi loan báo sứ điệp, thiên thần mới thêm, “Người không còn đây nữa. Chỗ đã đặt Người đây này”. Tuần tự câu văn không đi từ sự kiện ngôi mộ trống để chứng minh sự sống lại, nhưng sự sống lại được khẳng định xong, rồi mới ý thức ngôi mộ trống. Đây không phải tiến trình biện giáo nhưng hướng thần học mặc khải. Trước ngôi mộ trống và qua các bà, Máccô cho độc giả thấy cái không ngờ của biến cố thần thiêng. Sứ điệp làm nổi bật hoàn cảnh Đức Giêsu Nazareth bị đóng đinh thay đổi thành Đấng Phục sinh. Và thiên thần đưa sứ điệp kế tiếp hướng các bà đến Galilê cho một xuất hành mới, chứng tỏ đây là một kinh nghiệm tông đồ.

Trình thuật chấm dứt một cách ngạc nhiên. Sứ điệp các bà được giao phó phải truyền đạt lại cho các môn đệ, không được chuyển đi “Vừa ra khỏi mộ, các bà liền chạy trốn, run rẩy bầy, hết hồn hết vía. Các bà chẳng nói gì với ai, vì sợ hãi”. Đó cũng là lời cuối cùng theo Tin Mừng Máccô. Các bà thình lạng là dấu nét đặc trưng các trình thuật mặc khải. Trước việc Thiên Chúa mặc khải, người thị kiến không thể chịu đựng được và họ rụng rời. Các bà thình lạng trong bối

cảnh này mang ý nghĩa họ sợ đến tội độ khi diện kiến biến cố thần thiêng.

1424. Trình thuật hiện ra đưa các môn đệ làm chứng nhân

Các tác giả Mátthêu, Luca và Gioan đều kết thúc Tin Mừng bằng trình thuật Đức Giêsu hiện ra. Trong phần này sẽ đọc đoạn Đức Giêsu hiện ra cho nhóm Mười một theo Tin Mừng Mátthêu, và trình thuật Đức Giêsu hiện ra với các tông đồ theo Tin Mừng Luca.

14241. Mt 28,16-20: Vinh hiển và bái thờ Đức Giêsu

Mười một môn đệ đi tới miền Galilê, đến ngọn núi Đức Giêsu đã truyền cho các ông đến. Khi thấy Người, các ông bái lạy, nhưng có mấy ông lại hoài nghi. Đức Giêsu đến gần, nói với các ông: “Thầy đã được trao toàn quyền trên trời dưới đất. Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ mọi điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế”.

Tin Mừng Mátthêu được biên soạn khoảng năm 80 tại xứ Syrie. Tác giả viết với mục đích củng cố niềm tin các cộng đoàn Kitô hữu đến từ môi trường Do Thái. Họ bị khủng hoảng vì việc rao giảng cho dân tộc Ítraen thất bại. Mátthêu không từ chối di sản Ítraen nhưng đồng hoá “Ítraen thật” vào Giáo hội của Đức Giêsu. Ítraen từ chối không nhận Đấng Mêsia, cho nên “Nước Thiên Chúa, Thiên Chúa sẽ lấy đi không cho các ông nữa, mà ban cho một dân biết làm cho Nước ấy sinh hoa lợi” (21,43). Vì thế tác giả Mátthêu định hướng cộng đoàn truyền giáo cho dân ngoại, không

còn vấn đề loan báo Nước Thiên Chúa cho chiên lạc nhà Ítraen (10,5-6).

Đoạn Tin Mừng Mátthêu về sự sống lại nơi chương 28 lấy những dữ kiện đến từ Tin Mừng Máccô như chuyện các bà đi ra mộ (28,1-8), và nối tiếp với các trình thuật hiện ra với các phụ nữ (28,9-10), rồi với các môn đệ đứng như lời Đức Giêsu hẹn tại một ngọn núi ở Galilê (28,16-20).

Đoạn hiện ra với các môn đệ coi như cao điểm Tin Mừng Mátthêu. Các chi tiết mang nhiều điển tích Thánh Kinh, và mang dấu ngôn ngữ giáo hội thời Mátthêu. Tác giả gom lại kết thành một văn bản về Đức Giêsu sống lại. Thể loại văn chương không thuộc loại hiện ra để được nhìn nhận, nhưng biểu lộ việc tôn vinh trách vụ cũng như quyền bính Đức Giêsu.

Ngọn núi: Mười một môn đệ đến miền Galilê và lên một ngọn núi nơi Đức Giêsu hẹn. Ngọn núi không có tên. Trong những núi được nói đến trong Thánh Kinh, có những núi được xác định như núi Ôliu, núi Sinai; có những núi chưa được xác định như núi Biển hình hoặc núi được nói ở đây (Mt 28,16). Vì thế, núi là nơi mặc khải những điều thiêng thánh.

Thấy Đức Giêsu, các môn đệ bái lạy, “nhưng có mấy ông hồ nghi”, và cũng có thể dịch “họ là những người đã hoài nghi”. Chủ đề hoài nghi thường có trong các văn bản hiện ra. Trong Tin Mừng, Mátthêu thường nói các môn đệ “kém lòng tin”. Chính với những môn đệ mang tâm trạng do dự, Đấng Phục sinh giao trọng trách cho họ loan báo Tin Mừng

Quyền bính của Con Người: Sau đoạn mở đầu, đoạn văn nói đến Đấng Phục sinh tự mặc khải và sứ mệnh trao

cho các môn đệ. Mt 28,18-20 ghi lại điều Đức Giêsu chỉ thị lần chót với các môn đệ. Tác giả lấy hình ảnh từ sách ngôn sứ Đanien liên quan đến dân Ítraen và Đấng Mêsia “có ai như một Con Người đang ngự giá mây trời mà đến. Người tiến lại gần bên Đấng Lão Thành và được dẫn đưa tới trình diện. Đấng Lão Thành trao cho Người quyền thống trị, vinh quang và vương vị; muôn người thuộc mọi dân tộc, quốc gia và ngôn ngữ đều phải phụng sự Người. Quyền thống trị của Người là quyền vĩnh cửu, không bao giờ mai một; vương quốc của Người sẽ chẳng hề suy vong” (Đn 7,13-14). Đức Kitô Phục sinh cũng nắm toàn quyền trên trời dưới đất. Quyền thiêng liêng ứng nghiệm lời Đức Giêsu “Cha tôi đã giao phó mọi sự cho tôi. Và không ai biết rõ người Con, trừ Chúa Cha; cũng như không ai biết rõ Chúa Cha, trừ người Con và kẻ mà người Con muốn mặc khải cho” (Mt 11,27). Người lãnh nhận quyền từ Chúa Cha, và giờ đây các môn đệ sẽ thực thi quyền nhân danh Người. Sứ mệnh có tính phổ quát theo kế hoạch Chúa Cha. Các môn đệ không những loan báo tin mừng cho dân Ítraen (Mt 10,5; 15,24), nhưng còn cho mọi dân mọi nước (Mt 8,11; 21,41; 22,8-10; 24,24.30tt; 25,32; 26,13). Công trình cứu độ phổ quát sẽ lâu dài và gian khổ, nhưng Đấng Phục sinh sẽ ở cùng và hoạt động với các môn đệ.

Các môn đệ thực thi chính sứ mệnh Đức Giêsu trao: **“Làm phép Rửa, nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần...”**. Theo đoạn văn Mt 28,19, Đức Giêsu bảo phải làm phép Rửa nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần, nhưng, theo sách Công vụ tông đồ, các tông đồ làm phép Rửa nhân danh Chúa Giêsu (Cv 8,16; 10,48; 19,5; 22,16). Vậy, do đâu có sự khác biệt? Các nhà chú

giải Thánh Kinh cho rằng lúc đầu, các tông đồ làm phép Rửa nhân danh Đức Giêsu mà thôi. Nhưng, vì Đức Giêsu không đưa ra một công thức chi tiết, và cộng đoàn Máttêu thay thế công thức Rửa tội một cách chi tiết hơn, họ làm phép Rửa chẳng những nhân danh Chúa Con, còn nhân danh Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, nhân danh Thiên Chúa Ba Ngôi.

Sứ vụ các môn đệ không do họ tự làm nhưng chính sứ vụ Đức Giêsu, vì thế Người “ở cùng anh em...”, “ở cùng” là một công thức quen thuộc của Cựu ước, có nghĩa Chúa toàn năng yêu thương, nâng đỡ và bênh vực những kẻ thuộc về Người. Theo sách Xh 3,12, Đức Chúa sai ông Môsê đưa dân Ítraen ra khỏi Ai cập, nhưng ông Môsê không dám. Đức Chúa phán: “Ta ở với ngươi” Thiên Chúa đã nâng đỡ và bênh vực ông, giúp vượt mọi gian khổ trong khi thi hành sứ mệnh. Trong lịch sử cứu độ, còn có nhiều trường hợp như thế (Sáng thế 26,3; 28,15; 31,3; Xh 3,2; Giosuê 1,5.7; Đnl 1,19; 6,13.16; Is 41,10; 43,5; Mt 1,23). Ở đây (Mt 28,20), Đức Giêsu luôn luôn ở với các môn đệ và giúp đỡ họ thành đạt sứ mệnh loan báo tin mừng. Người môn đệ đi truyền giáo và làm phép Rửa, có Đức Giêsu ở cùng ngay bây giờ.

14242. Lc 24,36-53: Nhận ra Đấng Phục sinh

Các ông còn đang nói, thì chính Đức Giêsu đứng giữa các ông và bảo: “Bình an cho anh em!”. Các ông kinh hồn bạt vía, tưởng là thấy ma. Nhưng Người nói: “Sao lại hoảng hốt? Sao lòng anh em còn ngờ vực? Nhìn chân tay Thầy coi, chính Thầy đây mà! Cứ rờ xem, ma đâu có xương có thịt như anh em thấy Thầy có đây?”. Nói xong, Người đưa tay chân ra cho các ông xem. Các ông còn chưa tin vì mừng quá, và còn đang ngỡ ngàng, thì Người hỏi: “Ở đây anh em có gì ăn không?”. Các ông đưa cho Người một khúc cá

nướng. Người cầm lấy và ăn trước mặt các ông. Rồi Người bảo: “Khi còn ở với anh em, Thầy đã từng nói với anh em rằng tất cả những gì sách Luật Môsê, các Sách Ngôn Sứ và các Thánh Vịnh đã chép về Thầy đều phải được ứng nghiệm”. Bấy giờ Người mở trí cho các ông hiểu Thánh Kinh và Người nói: “Có lời Thánh Kinh chép rằng: Đấng Kitô phải chịu khổ hình, rồi ngày thứ ba, từ cõi chết sống lại; phải nhân danh Người mà rao giảng cho muôn dân, bắt đầu từ Giêrusalem, kêu gọi họ sám hối để được ơn tha tội. Chính anh em là chứng nhân về những điều này. Phần Thầy, Thầy sẽ gửi cho anh em điều Cha Thầy đã hứa. Còn anh em, hãy ở lại trong thành, cho đến khi nhận được quyền năng từ trời cao ban xuống”. Sau đó, Người dẫn các ông tới gần Bêtanیا, rồi giơ tay chúc lành cho các ông. Và đang khi chúc lành, thì Người rời khỏi các ông và được đem lên trời. Bấy giờ các ông bái lạy Người, rồi trở lại Giêrusalem, lòng đầy hoan hỷ, và hằng ở trong đền Thờ mà chúc tụng Thiên Chúa.

Luca là một Kitô hữu gốc Hy Lạp có văn hoá. Tác giả viết sách đề tặng cho một nhân vật tên Thêôphilê. Luca dùng thể loại văn chương các sử gia thời bấy giờ và biên soạn Tin Mừng thành hai cuốn sách: Tin Mừng phản ánh sứ vụ Đức Giêsu; và cuốn Công vụ các tông đồ nói về nguồn gốc và Giáo hội bành trướng. Tác giả đi truyền giáo lưu động như thánh Phaolô, và gặp gỡ hai nền văn hoá Hy-La. Luca mang ưu tư làm cách nào cho những người Hy Lạp hiểu được sứ điệp Đức Kitô Phục sinh là Đấng hằng sống (24,5). Tin Mừng cũng mang tính phổ quát, vì thế Đấng Phục sinh sai các tông đồ “*phải nhân danh Người mà rao giảng cho muôn dân, bắt đầu từ Giêrusalem*” (Lc 24,47).

Luca chia đoạn Tin Mừng Đức Giêsu hiện ra cho nhóm Mười Một (24,36-53) ra làm hai phần: Các tông đồ nhận ra Đấng Phục sinh, và Người sai họ đi.

Các tông đồ nhận ra Đấng Phục sinh: Chính Đức Giêsu khởi xướng *“đứng giữa các ông”*. Luca dùng một động từ thường thấy trong Cựu ước theo bản dịch Hy Lạp nói về Thiên Chúa hiện diện bất ngờ (Sáng thế 18,2). Đức Giêsu chào theo lối người Do Thái chào thông thường: *“Bình an”* (Shalom). Bình an thiên sai được loan báo ngày Đức Giêsu sinh ra tại Bethlehem (1,79; 2,14); bình an cũng được công bố qua sứ vụ của Người (Lc 10,5; Cv 10,36), nhưng lúc này các tông đồ chưa cảm nhận được bình an, vì các ông còn đang sợ hãi.

Họ chưa nhận ra Đức Giêsu và Người cho họ một dấu chỉ qua đôi tay và đôi chân còn ghi dấu đinh: *“chính Thầy đây mà. Cứ rờ xem, ma đâu có xương có thịt như anh em thấy Thầy có đây”*, rồi Người cầm lấy một miếng cá nướng và ăn trước mặt các ông. Đức Giêsu cho thấy Người vẫn như trước đây, mang thân xác và ăn uống bình thường.

Tiếp theo, Luca khai triển một chủ đề quen thuộc: chỉ có thể nhận ra Đức Giêsu qua lời Thánh Kinh do chính Đấng Phục sinh diễn giải; và trình thuật được kết với việc thăng thiên. Tác giả không khai triển câu chuyện thăng thiên, nhưng viết rõ hơn trong đầu sách Cv 1,6-8. Trong đoạn văn Luca gắn liền việc thăng thiên vào mầu nhiệm Phục sinh. Thật vậy, những điều Thánh Kinh loan báo từ *“sách Luật Môsê, các sách Ngôn Sứ và các Thánh Vịnh”* không chỉ là Đức Kitô phải chịu nhục hình và sống lại, nhưng còn *“phải nhân danh Người mà rao giảng cho muôn dân, bắt đầu từ Giêrusalem,*

kêu gọi họ sám hối để được ơn tha tội”. Trong sách Công vụ tông đồ, thánh Phaolô còn diễn giải rõ hơn “Được Thiên Chúa phù hộ, cho đến ngày hôm nay, tôi vẫn tiếp tục làm chứng trước mặt kẻ nhỏ cũng như kẻ lớn; tôi không nói gì khác ngoài những điều các ngôn sứ và ông Môsê đã báo trước sẽ xảy ra, đó là: Đấng Kitô sẽ chịu đau khổ và là người đầu tiên sống lại từ cõi chết, để loan báo ánh sáng cho dân Do Thái cũng như cho các dân ngoại”. Và sứ vụ tông đồ được ghi rõ ràng “Chính anh em là chứng nhân về những điều này”, cho nên sứ vụ là làm chứng về biến cố Phục sinh, chứ không phải chỉ rao giảng vài nguyên tắc luân lý hay triết lý tôn giáo nào đó. Với sứ vụ được trao phó, các tông đồ cũng cần có ơn Chúa Thánh Thần “Phân Thầy, Thầy sẽ gửi cho anh em điều Cha Thầy đã hứa. Còn anh em, hãy ở lại trong thành, cho đến khi nhận được quyền năng từ trời cao ban xuống”.

Tóm lại, trong đoạn hiện ra cho nhóm Mười Một, Đức Giêsu trao ban cho họ trách nhiệm làm chứng về sự sống lại, và biểu lộ chiều kích phổ quát của ơn cứu độ đến từ mầu nhiệm phục sinh.

1425. Trình thuật diễn đạt kinh nghiệm Kitô giáo

Trong điểm này, có thể nêu lên hai trình thuật Đức Giêsu hiện ra. Một do Luca viết lại trong trình thuật trên đường Emmau (24,13-35); và một do tác giả Tin Mừng Gioan ghi lại trong đoạn Đức Giêsu hiện ra cho Maria Mađalêna (20,11-18). Hai trình thuật khác biệt với các trình thuật vừa đọc qua ở phần trên. Trong hai đoạn này tác giả Luca và Gioan không chú ý trình bày việc Đức Giêsu sống lại, hoặc chú ý cho các môn đệ là những chứng nhân đầu tiên. Hai tác giả trong một phần nào đó giống nhau đưa vào sự hiệp thông niềm vui các

môn đệ khi được thấy lại Đức Giêsu; và trình thuật mời gọi ngày hôm nay cũng hãy cùng làm kinh nghiệm đó.

14251. Lc 24,13-35: Đức Giêsu hiện ra với hai môn đệ trên đường Emmau

A. Hai môn đệ và người khách lạ: Cũng ngày hôm ấy, có hai người trong nhóm môn đệ đi đến một làng kia tên là Emmau, cách Giêrusalem chừng mười một cây số. Họ trò chuyện với nhau về tất cả những sự việc mới xảy ra. Đang lúc họ trò chuyện và bàn tán, thì chính Đức Giêsu tiến đến gần và cùng đi với họ. Nhưng mắt họ còn bị ngăn cản, không nhận ra Người. Người hỏi họ: “Các anh vừa đi vừa trao đổi với nhau về chuyện gì vậy?”. Họ dừng lại, vẻ mặt buồn rầu. Một trong hai người tên là Colêôpát trả lời: “Chắc ông là người duy nhất trú ngụ tại Giêrusalem mà không hay biết những chuyện đã xảy ra trong thành mấy bữa nay”.

B. Sứ điệp Phục sinh: B.1. Biến cố do ông Colêôpát thuật lại: Đức Giêsu hỏi: “Chuyện gì vậy?”. Họ thưa: “Chuyện ông Giêsu Nazareth. Người là một ngôn sứ đầy uy thế trong việc làm cũng như lời nói trước mặt Thiên Chúa và toàn dân. Thế mà các thượng tế và thủ lãnh của chúng ta đã nộp Người để Người bị án tử hình, và đã đóng đinh Người vào thập giá. Phần chúng tôi, trước đây vẫn hy vọng rằng chính Người là Đấng sẽ cứu chuộc Ítraen. Hơn nữa, những việc ấy xảy ra đến nay là ngày thứ ba rồi. Thật ra, cũng có mấy người đàn bà trong nhóm chúng tôi đã làm chúng tôi kinh ngạc. Các bà ấy ra mộ hồi sáng sớm, không thấy xác Người đâu cả, về còn nói là đã thấy thiên thần hiện ra bảo rằng Người vẫn sống. Vài người trong nhóm chúng tôi đã ra mộ, và thấy sự việc y như các bà ấy nói; còn chính Người thì họ không thấy”.

B.2. Đức Giêsu giải thích cho ý nghĩa: *Bấy giờ Đức Giêsu nói với hai ông rằng: “Các anh chẳng hiểu gì cả! Lòng trí các anh thật là chậm tin vào lời các ngôn sứ! Nào Đấng Kitô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế, rồi mới vào trong vinh quang của Người sao?”. Rồi bắt đầu từ ông Môsê và tất cả các ngôn sứ, Người giải thích cho hai ông những gì liên quan đến Người trong tất cả sách Thánh.*

C. Nhận ra và Cử hành: C1: Hai môn đệ nhận ra Đức Giêsu trong việc bẻ bánh: *Khi gần tới làng họ muốn đến, Đức Giêsu làm như còn phải đi xa hơn nữa. Họ nài ép Người rằng: “Mời ông ở lại với chúng tôi, vì trời đã xế chiều, và ngày sắp tàn”. Bấy giờ Người mới vào và ở lại với họ. Khi đồng bàn với họ, Người cầm lấy bánh, dâng lời chúc tụng, và bẻ ra trao cho họ. Mắt họ liền mở ra và họ nhận ra Người, nhưng Người lại biến mất. Họ mới bảo nhau: “Dọc đường, khi Người nói chuyện và giải thích Thánh Kinh cho chúng ta, lòng chúng ta đã chẳng bừng cháy lên sao?”*

C2: Họ trở về Giêrusalem với các anh em khác: *Ngay lúc ấy, họ đứng dậy, quay trở lại Giêrusalem, gặp Nhóm Mười một và các bạn hữu đang tụ họp tại đó. Những người này bảo hai ông: “Chúa trời dậy thật rồi, và đã hiện ra với ông Simôn”. Còn hai ông thì thuật lại những gì đã xảy ra dọc đường và việc mình đã nhận ra Chúa thế nào khi Người bẻ bánh.*

Đây là một trong những trình thuật Tân ước được nhiều người biết đến, và được coi như áng văn đẹp nhất theo Tin Mừng Luca. Tác giả kể lại kinh nghiệm hai môn đệ trên đường Emmau như tiến trình đức tin.

Thất vọng: Đường đi là một biểu tượng tác giả Luca thường dùng. Trên đường đi lên Giêrusalem Đức Giêsu cũng thường hay đối thoại với các môn đệ. Trong đoạn này, hai môn

đệ đang trên đường đi Emmau. Họ đã đi ngược lại đường đối với thành Giêrusalem vì thật sự họ hoàn toàn thất vọng. Họ có một chương trình cho riêng mình, cho xã hội với màu sắc chính trị để giải phóng Ítraen. Lý tưởng đưa họ dẫn thân theo Đức Giêsu, nhưng hy vọng đó đã kết thúc trên thập giá; và họ lên đường trở về nhà... Khi hai người còn trao đổi với nhau về Đức Giêsu, Người đến nhập bọn đồng hành, nhưng họ chưa nhận ra. Điểm khá ngạc nhiên, vì hai ông biết rất rõ về Đức Giêsu, và họ nói về cuộc sống Người thật sành sỏi. Hai ông còn biết chuyện các bà và các môn đệ khám phá ra ngôi mộ trống... thế nhưng họ lại không nhận ra Đức Giêsu vừa đi vào đồng hành. Vì thế, không phải chỉ có sự hiểu biết tri thức về Đức Giêsu để có thể gặp gỡ được Người.

Ý nghĩa hy vọng: Đức Giêsu đi vào gặp gỡ ngay trong nỗi buồn và lắng nghe niềm thất vọng của hai ông. Đức Giêsu có thể làm cho họ nhận ra Người ngay, nhưng muốn đưa họ tự khám phá ra. Họ không thấy vì họ chưa hiểu được ý nghĩa thật sự chuyện xảy ra chiều thứ sáu trên Núi sọ. Họ thất vọng vì nó không đúng theo chương trình con người đề ra. Đức Giêsu giúp họ khám phá ý nghĩa niềm hy vọng. Người giải thích cho họ lời Thánh Kinh, đi từ những gì hai môn đệ đang sống và đặt nó vào trong chương trình Thiên Chúa được giải thích theo Thánh Kinh. Niềm hy vọng được giải thích từ Thánh Kinh và tâm hồn hai ông được bùng cháy. Họ nhận ra Người trong việc bẻ bánh tức là qua bàn tiệc Thánh Thể. Tiệc Thánh Thể cử hành Đức Giêsu hằng sống và họ hiểu ý nghĩa Phục sinh. Cái nhìn hai ông đã thay đổi nhờ Đức Giêsu giải thích theo ánh sáng Lời Chúa.

Trình thuật về hai môn đệ trên đường Emmau diễn đạt kinh nghiệm các môn đệ về sự Phục sinh và nêu rõ hai giai

đoạn quan trọng khi các cộng đoàn tiên khởi cử hành: công bố Lời Chúa và bẻ bánh. Tâm hồn con người cũng cần được bùng cháy qua Lời Chúa được diễn giải, và việc nhận ra Người qua hành vi tạ ơn bẻ bánh.

14252. Ga 20,11-18: Đức Giêsu hiện ra với bà Maria Mađalêna.

Bà Maria Mađalêna đứng ở ngoài, gần bên mộ, mà khóc. Bà vừa khóc vừa cúi xuống nhìn vào trong mộ, thì thấy hai thiên thần mặc áo trắng ngồi ở nơi đã đặt thi hài của Đức Giêsu, một vị ở phía đầu, một vị ở phía chân. Thiên thần hỏi bà: “Này bà, sao bà khóc?”. Bà thưa: “Người ta đã lấy mất Chúa tôi rồi, và tôi không biết họ để Người ở đâu!”. Nói xong, bà quay lại và thấy Đức Giêsu đứng đó, nhưng bà không biết là Đức Giêsu. Đức Giêsu nói với bà: “Này bà, sao bà khóc? Bà tìm ai?”. Bà Maria tưởng là người làm vườn, liền nói: “Thưa ông, nếu ông đã đem Người đi, thì xin nói cho tôi biết ông để Người ở đâu, tôi sẽ đem Người về”. Đức Giêsu gọi bà: “Maria!”. Bà quay lại và nói bằng tiếng Hípri: “Rápuni!” (nghĩa là “Lạy Thầy”). Đức Giêsu bảo: “Thôi, đừng giữ Thầy lại, vì Thầy chưa lên cùng Chúa Cha. Nhưng hãy đi gặp anh em Thầy và bảo họ: Thầy lên cùng Cha của Thầy, cũng là Cha của anh em, lên cùng Thiên Chúa của Thầy, cũng là Thiên Chúa của anh em”. Bà Maria Mađalêna đi báo cho các môn đệ: “Tôi đã thấy Chúa”, và bà kể lại những điều Người đã nói với bà.

Trong Tân ước có tất cả 5 cuốn sách mang tên Gioan, và một trong số đó là cuốn tin mừng. Truyền thống cũ nhận tác giả tin mừng thứ tư là Gioan tông đồ, con ông Dêbêđê và em ông Giacôbê. Nhưng từ thế kỷ XIX, Gioan tông đồ bị bác bỏ là tác giả Tin Mừng, nhưng một ông Gioan xa xưa nào đó mà Papias đã nói tới. Hiện nay, các nhà chú giải chấp nhận

Gioan tông đồ là tác giả cuốn tin mừng Gioan gốc đầu tiên, và biên soạn trong môi trường ảnh hưởng sâu xa tư tưởng của ông.

Tin Mừng Gioan được hình thành ở một nơi có nhiều văn hóa khác biệt. Tác giả quen thuộc với Cựu ước. Ông đã lấy lại những chủ đề trong sách Xuất hành: Chiên vượt qua, rần đồng, manna; và ông cho Đức Giêsu những tên ngày xưa đã gán cho Thiên Chúa: Chủ chiên, Ánh sáng, và tên Tôi là!. Tác giả cũng dựa vào nền văn chương khôn ngoan và biết văn chương trường phái Do thái.

Chung chung, các nhà nghiên cứu cho tin mừng Gioan được viết ở Ephêxô nơi Gioan đã lưu lại nhiều ngày. Việc khám phá ra bản thảo giấy cói Rylands viết năm 130 chứa đựng Ga 18,31-33 và 37-38, và việc phối hợp Tin Mừng Gioan và các Tin Mừng Nhất Lãm phỏng chừng bản Tin Mừng Gioan như bản cuối hiện nay được soạn khoảng năm 100.

Trình thuật Đức Giêsu hiện ra với bà Maria Mađalêna có cùng một sứ điệp như văn bản hai môn đệ trên đường Emmau. Bà Maria mộ mến Đức Giêsu, vì thế bà rơi vào tình trạng thất vọng và buồn bã khi Người bị đóng đinh. Trời còn xầm tối, Maria ra ngoài mộ khóc lóc, không thấy được ngay cả xác Đức Giêsu vì chính bà cũng nghĩ rằng xác đó đã bị lấy đi rồi. Như hai môn đệ trên đường Emmau, Đức Giêsu đặt câu hỏi cho bà nói lên lý do tại sao khóc *“Này bà, sao bà khóc? Bà thưa: Người ta đã lấy mất Chúa tôi rồi, và tôi không biết họ để Người ở đâu!”*, và Đức Giêsu đặt thêm câu hỏi quan trọng thường thấy trong Tin Mừng *“Bà tìm ai?”*; đây là câu hỏi Đức Giêsu đặt ra cho những môn đệ đầu tiên *“Các anh tìm gì thế?”* (Ga 1,38).

Chính Đức Giêsu khởi xướng đến gặp gỡ nhưng Maria lại nhận ra người làm vườn, vì bà còn mãi miết sống về quá khứ. Đức Giêsu đưa Maria vượt qua cái nhìn con người, bằng cách gọi ngay chính tên bà: *“Maria”*. Trong Tin Mừng Gioan thường thấy như thế, vì Đức Giêsu biểu lộ như Đấng mặc khải, người mục tử biết rõ đoàn chiên mình (1,48; 2,24-25; 4,18-19). Người mục tử tốt lành biết chiên mình và kêu tên từng con một (10,3), và cùng nhận ra tiếng nhau *“Tôi biết chiên của tôi, và chiên của tôi biết tôi”* (10,14). Bởi vậy khi vừa nghe Đức Giêsu kêu đúng tên mình bằng tiếng Aram: *“Mariam”*, bà quay lại và đáp lại cũng bằng tiếng Aram: *“Rabbouni, Lạy Thầy”*. Đây là tước hiệu lòng tuyên xưng đức tin: *“Anh em gọi Thầy là Thầy, là Chúa, điều đó phải lắm, vì quả thật, Thầy là Thầy, là Chúa”*. Đức Giêsu biết Maria và bà nhận ra Người.

Sau khi nhận ra Đức Giêsu, Maria nhận được sứ vụ. Người hiện ra cho Maria không phải để bà giữ lại cho mình nhưng để đi loan truyền: *“Thôi, đừng giữ Thầy lại, ...nhưng hãy đi gặp anh em Thầy và bảo họ...”*. Đức Giêsu tự mặc khải cho Maria nhưng rồi Người phải đi, vì không ai được giữ Đấng Phục sinh lại cho riêng mình. Và khi đi loan báo cho anh em Maria thật sự nhận ra Đức Giêsu là Đức Chúa. Maria về loan báo Đức Giêsu hẹn với các môn đệ. Cuộc hẹn không ở Galilê nhưng *“Thầy lên cùng Cha của Thầy, cũng là Cha của anh em, lên cùng Thiên Chúa của Thầy, cũng là Thiên Chúa của anh em”*. Tin Mừng Gioan không có trình thuật thăng thiên như Tin Mừng Luca. Tác giả cho sự Phục sinh ý nghĩa vinh hiển. Phục sinh khai mào một giao ước mới dưới dấu chỉ tình phụ tử Thiên Chúa. Thiên Chúa đã mặc khải nơi Con Người là Đức Giêsu và trao mở hồng ân đến cho mọi môn đệ.

Kết Luận

Khi đọc lại Tin Mừng về biến cố Phục sinh, hẳn đôi lúc hơi thất vọng không tìm thấy được câu trả lời rất bình thường con người ngày hôm nay đặt ra: Thế nào là một thân xác Phục sinh? Sự Phục sinh của Đức Giêsu được thực hiện rõ ràng ra sao? Thân xác của Đức Giêsu ra sao sau khi sống lại?... Những câu hỏi trên không có nghĩa vô ích, và cũng cần được suy tư trong ánh sáng niềm tin. Trong Tin Mừng, các tác giả đã dùng hai hình ảnh điển đạt màu nhiệm phục sinh: Sống lại và vinh hiển. Đức Giêsu có một thân xác nhưng từ sự phục sinh con người đó đã đi vào sự vinh hiển, một cách nào đó khác hẳn với thân xác con người. Thánh Phaolô gọi là thân xác thiêng liêng.

Vì thế tác giả Tin Mừng đã trả lời một cách thiết yếu hơn những câu hỏi do óc tò mò con người gọi ra. Họ là những chứng nhân về lòng tin tông đồ nơi Đức Kitô sống lại, và họ gọi lại sự khai sinh lòng tin với kinh nghiệm các tông đồ. Họ muốn nói Đấng Phục sinh luôn hiện diện trong cuộc sống thường nhật. Như các tông đồ, như Maria Mađalêna, người Kitô hữu cũng có kinh nghiệm về sự Đấng sống lại hiện diện, bằng cách gặp gỡ Người trong các bí tích Rửa tội và Thánh Thể, và cũng có thể nhận ra Người trong người anh em đang đồng hành... Các văn bản Tin Mừng về sự Phục sinh sẽ không có tác dụng gì nếu như con người không mang cảm nghiệm về Đức Giêsu hiện diện ngày hôm nay. Qua kinh nghiệm các nhân chứng tiên khởi làm nên nền tảng đức tin, và điều này cũng cho kinh nghiệm có ý nghĩa.

TẠM KẾT

Trong phần tạm kết, câu hỏi đầu tiên đặt ra xem có thể nào tìm lại được khuôn mặt Đức Giêsu lịch sử không? Với những tài liệu được duyệt xét theo những tiêu chuẩn sử tính khách quan, kết quả thật khiêm tốn đối với con người Đức Giêsu.

Đức Giêsu là một người Do Thái miền Galilê hiện diện đầu thế kỷ công nguyên. Ngày sinh và nơi sinh không chắc chắn. Sự vụ công khai trải dài khoảng ba năm. Dù với một thời gian ngắn, nhưng Người mang sứ điệp loan báo Nước Thiên Chúa gần kề, và kêu gọi hoán cải trở về với Thiên Chúa. Cho dù Đức Giêsu không nhìn nhận công khai như Đấng Mêssia vì tước hiệu này còn được hiểu theo ý nghĩa chính trị, nhưng Người ý thức mang một sứ mệnh duy nhất. Thiên Chúa sẽ thực hiện cuộc phán xét cuối cùng không để trừng phạt nhưng để cứu rỗi. Hành động của Đức Giêsu nói lên rằng Thiên Chúa luôn bên vực kẻ nghèo. Đức Giêsu chết như một hy lễ tái tạo lại một giao ước mới giữa con người và Thiên Chúa. Đó là khởi đầu cho một triều đại mới. Người còn chữa lành cho nhiều người, nhưng với sứ điệp rao giảng đó đã đụng chạm đến tôn giáo và phụng tự của các tư tế trong đền thờ Giêrusalem. Họ đã tỏ ra thái độ chống đối Đức Giêsu mãnh liệt, và cuối cùng họ đã bắt và đưa Đức Giêsu qua tòa án của Philatô. Đức Giêsu bị kết án chết qua quyết định chính trị của các thượng tế. Người bị đóng đinh, chết và được chôn cất trong mộ. Các môn đệ Đức Giêsu làm chứng Người đã sống lại. Đó là những điều mà các sử gia

có thể biết được về Đức Giêsu. Đó là những điểm chính yếu nói lên vững chắc phương diện con người Đức Giêsu có thật trong lịch sử.

Các sử gia đều biết lịch sử được viết với những lời chứng của con người hay bằng vật chất. Nên cần phải lắng nghe những chứng từ của những chứng nhân đầu tiên như trường hợp bốn tác giả Tin Mừng. Họ diễn giải và loan báo những sự kiện, nhưng những điều họ đưa ra chỉ có ý nghĩa đối với những ai chấp nhận đi vào câu chuyện vẫn luôn luôn còn thời sự. Ví dụ, ngay từ lúc đầu khi ra đi rao giảng, Đức Giêsu đã loan báo Người sẽ đi về cái chết vì điều đó là thành phần thiết yếu ơn gọi của Người như Con Người. Làm sao hiểu được bằng cách nào việc đó được đặt vào chương trình cứu độ của Thiên Chúa ở trần thế này.

Câu trả lời thường tình là nhắm đến sự hy sinh, và tư tưởng đó thấy rõ qua những lời Đức Giêsu nói trong buổi lập bí tích thánh Thể. Chén rượu được đồng hóa với máu Đức Kitô, và qui chiếu theo trình thuật Xuất hành 24. Trong đó ông Môsê rảy máu của lễ và cho là máu giao ước mà Thiên Chúa ký kết với dân tuyển chọn. Đó là một nghi thức giao ước, chứ không phải một hy lễ để xóa tội lỗi. Vì thế Tin Mừng và Đức Giêsu không bao giờ coi thập giá như một hy lễ của tội lỗi. Nhưng cái chết của Đức Giêsu mang lợi điểm cho loài người và bảo đảm cho họ được tha thứ tội lỗi.

Trong Tin Mừng, những lời Đức Giêsu loan báo về sự thương khó luôn được gắn liền với những sấm ngôn về Người Tôi Tớ đau khổ, và Đức Giêsu thường qui chiếu vào đó để giải thích hình ảnh của Con Người. Những văn bản Cựu ước nói về Con Người loan báo Thiên Chúa gửi một

Đấng xuống trần gian chịu khổ hình, chịu chết đúng như ý chí của Người. Cái chết của Đức Giêsu ghi một giao ước mới giữa Thiên Chúa và loài người.

Đó là những gì Tin Mừng kể về Đức Giêsu. Ngoài ra còn phương diện thực tại đức tin vào Đức Giêsu. Đối với các tác giả sử Tin Mừng cũng như các môn đệ phương diện đó mới ưu tiên. Họ nhận ra Đức Giêsu là nguồn gốc nền tảng Kitô giáo. Và câu hỏi Đức Giêsu nêu lên cho các môn đệ, và các Kitô hữu tiên khởi: *“Còn anh em, anh em bảo Thầy là ai?”* (Mc 8,29). Câu trả lời được các Tin Mừng và các thư trong Tân ước ghi lại. Phêrô đã trả lời thay cho anh em: *“Thầy là Đấng Kitô”*. Đức Giêsu liền cấm cản các ông không được nói với ai biết điều đó (Mc 8,30). Tại sao Đức Giêsu lại cấm cản? Phải chăng đây là mệnh đề phải coi chừng? Thế nhưng, một vài câu trước đó trong cùng một trình thuật về căn tính, Đức Giêsu tỏ ra như khó có thể nhận diện được: *“Người ta nói thầy là ai? Các ông đáp: Họ bảo Thầy là ông Gioan Tẩy Giả, có kẻ bảo là ông Êli, kẻ khác lại cho là một ngôn sứ nào đó”* (Mc 8,27-28). Tại sao Đức Giêsu không tỏ lộ ra rõ ràng Người là ai để tránh những diễn đạt tinh vi do người đời nêu lên?

